

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC
TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

LONG AN - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC
TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đặng Ngọc Hiếu	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Thị Mười	P.Hiệu trưởng	P.Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thanh Thúy	Tổ trưởng CM	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Trường An	Tổ trưởng VP	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Trung Khang	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
6	Trần Ngọc Tuấn	CT. CĐCS	Ủy viên Hội đồng	
7	Trần Thị Lệ Quyên	BT chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	
8	Phạm Hữu Hòa	Tổng phụ trách	Ủy viên Hội đồng	
9	Đặng Thị Kim Ngân	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
10	Võ Thị Thúy	Tổ phó CM	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	Nhân viên thiết bị	Ủy viên Hội đồng	
12	Hồ Thị Mỹ Thiện	Tổ phó CM	Ủy viên Hội đồng	

LONG AN - NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1-2
Danh mục những chữ viết tắt	3-4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5-6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7-11
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	42
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	47
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	47
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	47

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng bộ môn và khôi phục vụ học tập	49
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính-quản trị	51
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	52
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	53
Tiêu chí 3.6: Thư viện	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	58
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	63
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	66
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	69
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	70
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	72
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	75
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	79
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	81
Phần IV. PHỤ LỤC	82

**DANH MỤC
NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT
TRONG BẢN BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

Từ, cụm từ viết tắt	Viết đầy đủ	Ghi chú
ANTT	An ninh trật tự	
BCH	Ban chấp hành	
BGH	Ban giám hiệu	
BGDĐT	Bộ Giáo dục Đào tạo	
BHYT	Bảo hiểm y tế	
CSVN	Cộng sản Việt Nam	
CBQL	Cán bộ quản lý	
CB-GV-NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	
CĐCS	Công đoàn cơ sở	
CMHS	Cha mẹ học sinh	
CSVC	Cơ sở vật chất	
ĐMPP	Đổi mới phương pháp	
ĐDDH	Đồ dùng dạy học	
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo	
GDNGLL	Giáo dục ngoài giờ lên lớp	
GVBM	Giáo viên bộ môn	
GVDG	Giáo viên dạy giỏi	
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm	
HĐSP	Hội đồng sư phạm	
HKPD	Hội khỏe Phù Đổng	
HS	Học sinh	
HSG	Học sinh giỏi	
HT	Hiệu trưởng	
HTNV	Hoàn thành nhiệm vụ	
HTTNV	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
KHHGD	Kế hoạch hóa gia đình	
KHKT	Khoa học kỹ thuật	

KT-XH	Kinh tế- xã hội	
LLCT	Lý luận chính trị	
PGD&ĐT	Phòng Giáo dục và đào tạo	
PHHS	Phụ huynh học sinh	
PPDH	Phương pháp dạy học	
P.HT	Phó hiệu trưởng	
QLGD	Quản lý giáo dục	
SGD&ĐT	Sở Giáo dục và đào tạo	
TCCT	Trung cấp chính trị	
TDTT	Thể dục thể thao	
THCS	Trung học cơ sở	
THPT	Trung học phổ thông	
TN.TPHCM	Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	
TNCS.HCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh	
TTCM	Tổ trưởng chuyên môn	
TTVP	Tổ trưởng văn phòng	
TTND	Thanh tra nhân dân	
UBND	Ủy ban nhân dân	
ƯDCNTT	Ứng dụng công nghệ thông tin	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x

Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
1		x	
2		x	
3		x	
4		x	
5		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

2. Kết luận: Trường đạt Mức độ 2

I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập						
1	Phòng học	12	12	12	12	11	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	12	12	12	12	11	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	9	
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	9	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	2	2	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	3	3	3	3	8	

1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	8	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)					6	
...							
	Cộng	20	20	20	20	37	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1				1		
Phó hiệu trưởng	1				1		
Giáo viên	19	11			19		
Nhân viên	5	2			3		+2 HD161
Cộng	26	13	0	0	24	0	2

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	23	22	23	21	19
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,92	1,83	1,92	1,75	1,73
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0,05	0,05	0,05	0,05	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	-	6	-	3	-

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	1	-
...	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	490	472	461	451	461	
	- Nữ	249	223	223	209	213	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0		3	
	- Khối lớp 6	128	128	98	111	132	
	- Khối lớp 7	118	124	128	97	111	
	- Khối lớp 8	111	114	122	125	94	
	- Khối lớp 9	133	106	113	118	124	
2	Tổng số tuyển mới	128	128	95	111	132	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	40,8	39,3	38,4	37,6	42,0	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	96,73	97,67	97,40		99,78	
	- Nữ	96,79	98,65	98,21		100	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	3	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	6/0	15/0	13/2	7/4	6/1	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	71	54	50	69	37	
	- Nữ	39	23	24	37	15	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt						

...	Các số liệu khác (nếu có)						
-----	---------------------------	--	--	--	--	--	--

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	28,99%	40,22%	40,04%	47,23%	48,81%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	39,34%	35,70%	37,20%	35,25%	33,41%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0,83%	0,86%	0%	0,22%	0%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	88,82%	91,40%	92,56%	94,46%	96,75%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	10,97%	8,60%	7,44%	5,54%	3,25%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0%	0%	0%	0%	0%	

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....

.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THCS Phước Vĩnh Đông được thành lập theo quyết định số 1393/2001/QĐ.UB do Chủ tịch UBND huyện Cần Giuộc ký ngày 29 tháng 08 năm 2001. Trường được tách ra từ trường cấp 1-2 Phước Vĩnh Đông. Năm học đầu tiên 2001-2002: Đội ngũ giáo viên chủ yếu được tách ra từ trường cấp 1-2 Phước Vĩnh Đông, giáo viên đa số là giáo viên trẻ từ nhiều nơi đến công tác. Trường nằm cách lộ khoảng hơn 100m, thuộc ấp Thạnh Trung, xã Phước Vĩnh Đông. Ngày đầu thành lập, tổng diện tích khoảng 9033m² (Hiện tại diện tích đã được điều chỉnh là 8.254m²), khuôn viên còn hoang sơ chưa có cây bóng mát, chưa có hàng rào khuôn viên, sân chơi hẹp, thấp và là sân đất do đó phần nào cũng ảnh hưởng đến việc vui chơi, học tập của học sinh. Trường gồm 12 phòng trệt, được dùng làm phòng BGH, phòng giáo viên, thư viện, thiết bị và còn lại sử dụng cho việc giảng dạy. Cơ sở vật chất, thiết bị ĐDDH chưa đáp ứng cho việc giảng dạy, chưa có phòng chức năng phục vụ cho việc giảng dạy. Chất lượng giảng dạy còn thấp so với các trường bạn.

Do có nhu cầu thêm về phòng học, năm 2010 Trường được đầu tư xây thêm 12 phòng học, gồm 6 trệt 6 lầu, 1 nhà vệ sinh phục vụ cho giáo viên và học sinh. Đến thời điểm này cơ sở vật chất đã đảm bảo cho việc giảng dạy, có phòng học bộ môn như: Hóa học, Vật lý, Tin học, các phòng (BGH, giáo viên, thư viện, thiết bị) đã được bố trí riêng biệt. Trường chưa có nhà công vụ nên một số giáo viên ở xa về công tác phải ở tạm các phòng tiền chế, điều kiện sinh hoạt còn hạn chế. Công tác giảng dạy đã thuận lợi hơn, chất lượng giảng dạy được quan tâm, phong trào thi đua được giáo viên tích cực hưởng ứng (các hoạt động thi đua chủ điểm, thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi). Chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được cải thiện.

Năm học 2012-2013 Trường được Ngành đầu tư xây dựng thêm một số hạng mục như: hàng rào khuôn viên, 02 phòng chức năng, cải tạo 6 phòng học cũ đã xuống cấp, giúp hoàn thiện cơ sở vật chất nhà trường và đủ điều kiện về cơ sở vật chất cho trường đạt chuẩn quốc gia. Song trong hoạt động nhà trường vẫn còn nhiều khó khăn trong việc mua sắm bổ sung trang thiết bị, do quy mô trường nhỏ nên kinh phí bị ảnh hưởng nhiều cho việc chi công tác phí.

Vào thời điểm tháng 12/2013 Trường đã được công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia.

Năm học 2015-2016 nhà Trường đã thực hiện kiểm định chất lượng. Qua kiểm tra đánh giá Trường đã được công nhận chất lượng giáo dục cấp độ 1 vào tháng 12/2015. Qua các năm học từ 2016-2017 đến năm học 2019-2020 trường tiếp tục tự đánh giá đánh chất lượng giáo dục và duy trì chất lượng giáo dục đạt ở mức độ 2.

Vào tháng 5/2020 Trường THCS Phước Vĩnh Đông được kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chất lượng giáo dục mức độ 2; Trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1.

Tiếp tục phát huy những ưu điểm và cải tiến chất lượng giáo dục; Trường THCS Phước Vĩnh Đông tiếp tục công tác tự đánh chất lượng giáo dục qua mỗi năm học. Qua đó tìm ra nguyên nhân để khắc phục và nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục, giúp nhà trường hoàn thiện hơn trong các hoạt động của mình, là cơ sở để nâng cao chất lượng các hoạt động. Đây là sự cần thiết của việc kiểm định chất lượng thường xuyên.

2. Mục đích TĐG

Mục đích của tự đánh giá là nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của trường; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trên cơ sở tự đánh giá, trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trường THCS Phước Vĩnh Đông thực hiện công tác tự đánh giá đúng theo quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn, quy trình thực hiện theo 6 bước:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Phạm vi, phương pháp và công cụ đánh giá cơ sở trường bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học cơ sở làm công cụ đánh giá. Qua đó mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng và tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn. Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học, khẩn trương và chính xác.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động. Kế hoạch tự đánh giá của trường còn thể hiện các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục và thời gian cần được tiến hành. Công việc dự kiến các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được Hội đồng xác định và phân công một cách cụ thể, khoa học. Để chủ động nhà trường đã lập thời gian biểu để hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó mà tiến độ làm việc được đảm bảo. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành tổng hợp viết báo cáo.

Những vấn đề nổi bật của nhà trường trong báo cáo tự đánh giá là:

Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo tự đánh giá còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng. Nhà trường đã cơ bản hoàn thành công tác tự đánh giá. Đây là bước ngoặt quan trọng, đánh dấu sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường và địa phương, là nền tảng để nhà trường hoàn thành công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục trong năm học 2022-2023.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Cơ cấu tổ chức bộ máy của trường THCS Phước Vĩnh Đông thực hiện đúng theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và

Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường được UBND huyện Cần Giuộc ký Quyết định thành lập trường vào năm 2001; trường có đầy đủ các khối lớp 6, 7, 8, 9 thuộc cấp THCS; trường có 3 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng; CBQL: 02 (1 Hiệu trưởng, 1 phó Hiệu trưởng); trường có Hội đồng trường và Hội đồng thi đua-khen thưởng; trường có 01 chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, 1 chi đoàn giáo viên, Đội TNTP Hồ Chí Minh; trường có các hồ sơ quản lý tài sản và tài chính theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ vào tình hình thực tế, xã Phước Vĩnh Đông là địa phương được Chính phủ công nhận là xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển từ năm 2004. Trường THCS Phước Vĩnh Đông đã xây dựng kế hoạch số 02/KH-THCS.PVĐ ngày 20/8/2013 “Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Phước Vĩnh Đông giai đoạn 2011-2015” và tầm nhìn đến năm 2020 và kế hoạch số 05/KH-

THCS.PVĐ ngày 20/8/2015 “Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Phước Vĩnh Đông giai đoạn 2015-2020” và tầm nhìn đến năm 2025; kế hoạch số 27/KH-THCS.PVĐ ngày 27/6/2020 “Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025”. Trong đó kế hoạch xác định được lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2013, 2018 và công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2025. Qua đó, nhà trường xây dựng được các kế hoạch sử dụng, khai thác hợp lý các nguồn lực về con người, tài chính, CSVC phù hợp với điều kiện nguồn lực nhà trường và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ địa phương về định hướng phát triển kinh tế xã hội [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 được nhà trường xây dựng thành văn bản vào tháng 6/2020 và kế hoạch được PGD&ĐT phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch phát triển nhà trường được bàn bạc thống nhất thông qua Hội đồng trường. Kế hoạch được công khai thông qua Hội đồng sư phạm và bảng tin công khai của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 2

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong quá trình thực hiện những nội dung chiến lược ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được sự giám sát của CB-GV-NV, Hội đồng trường thông qua các cuộc họp HĐSP, Hội đồng trường, làm cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động năm học phù hợp [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3

Dựa vào nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra, rà soát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời các chỉ tiêu giúp nhà trường thực hiện đạt kết quả. Trong quá trình xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đều được sự đóng góp của CB-GV-NV, Hội đồng trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]. Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến PHHS và cộng đồng trong xây dựng kế hoạch hoạt động [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương có sự tham gia đóng góp của CB-GV-NV, Hội đồng trường. Các giải pháp trong kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với thực tiễn giáo dục nhà trường và tình hình phát triển KT-XH của địa phương.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hội đồng trường dựa vào kết quả thực hiện từng năm học. Tổ chức điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường hằng năm phù hợp với thực tế nhà trường và địa phương.

Công khai kế hoạch trên Website trường thông tin phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong họp HĐSP, họp CMHS đầu năm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thực hiện Điều 10, Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Hội đồng trường giai đoạn 2020-2025 được thành lập theo Quyết định số 6202/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 với nhiệm kỳ là 5 năm, gồm 09 thành viên theo thành phần quy định [H1-1.2-01]. Ngoài ra, nhà trường còn thành lập được các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng sáng kiến khoa học,... do hiệu trưởng làm chủ tịch và các thành viên theo cơ cấu [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]. Hội đồng kỷ luật khi có CB-GV-NV hoặc học sinh bị kỷ luật (từ năm học 2018 đến năm 2023 trường chưa có CB-GV-NV hoặc học sinh bị kỷ luật).

b) Từ năm học 2019-2020 đến tháng 5/2023; Hội đồng trường thực hiện đảm bảo đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo Điều 20 của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT (Điều lệ trường trung học); từ 01/11/2020 Hội đồng trường thực hiện đảm bảo đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 10 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT (Điều lệ trường trung học). Hằng năm, Hội

đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng gồm: phương hướng hoạt động của nhà trường; giám sát việc huy động và sử dụng các nguồn lực theo kế hoạch, nghị quyết của Hội đồng trường đề ra [H1-1.2-05]. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp nhà trường tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị khen thưởng tập thể; cá nhân có thành tích tốt, xét thi đua đơn vị hằng năm. Hội đồng chăm sóc kiến khoa học giúp nhà trường đánh giá công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp trường và dự thi cấp Huyện. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Hội đồng được quy định tại Điều 20, 21 của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT và Điều 10 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT (Điều lệ trường trung học).

c) Các Hội đồng họp định kỳ đảm bảo thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động trong việc thực hiện kế hoạch, nhằm rút kinh nghiệm. Qua đó, nêu ra những việc làm được, những hạn chế và đề ra giải pháp khắc phục, điều chỉnh chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, giúp nhà trường thực hiện các hoạt động đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra [H1-1.1-05]; [H1-1.2-07].

Mức 2

Hội đồng trường đảm bảo hoạt động họp định kỳ mỗi năm 3 lần gồm: vào đầu năm, giữa năm và cuối mỗi năm học. Hội đồng trường thực hiện tốt công tác giám sát hằng năm. Qua đó, vào đầu mỗi năm học Hội đồng trường đã đưa ra các chỉ tiêu thực hiện phù hợp, giúp nhà trường thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-05].

Hội đồng thi đua khen thưởng xây dựng được thang điểm thi đua, các thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát thi đua, nên việc xét thi đua hằng năm đạt kết quả chính xác, tác động tốt tinh thần thi đua trong đội ngũ CB-GV-NV nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác của CB-GV-NV và chất lượng giáo dục nhà trường. Các hội đồng khác như: Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng chăm sóc kiến-khoa học cũng thực hiện đúng chức năng; nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Cụ thể các năm học 2019-2020; 2021-2022 đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; các năm học 2020-2021, 2022-2023; 2023-2024 được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại điều 20, 21 của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT và Điều 10 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT (Điều lệ trường trung học).

3. Điểm yếu

Hoạt động rà soát, đánh giá của Hội đồng trường đôi lúc chưa kịp thời. Do các thành viên đa số kiêm nhiệm, do thời gian tập trung nhiều vào hoạt động chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 Nhà trường tiếp tục duy trì tốt các Hội đồng và phát huy vai trò của các thành viên trong các hội đồng nhà trường trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

Hội đồng trường phân công thành viên thực hiện rà soát, đánh giá kịp thời, điều chỉnh kế hoạch phù hợp và đề ra biện pháp thực hiện hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trong mỗi năm học nhà trường đều có các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định. Công đoàn cơ sở hiện có 26 đoàn

viên, được thành lập với nhiệm kỳ 5 năm, Ban chấp hành gồm: chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 02 ủy viên, đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định [H1-1.3-01]. Chi đoàn có 05 đoàn viên giáo viên, mỗi năm đại hội 01 lần vào đầu các năm, nhằm bầu ra Ban chấp hành mới với cơ cấu số lượng quy định là 3 ủy viên. Trong đó gồm: bí thư, 01 phó bí thư và 01 ủy viên [H1-1.3-02]. Đội TNTP.HCM có 11 chi đội, mỗi năm đại hội 01 lần, năm học 2023-2024 đại hội đã bầu ra Ban chỉ huy liên đội gồm: liên đội trưởng, 01 liên đội phó và 07 ủy viên [H1-1.3-03]. Ngoài ra, nhà trường còn có Ban phụ trách đội gồm Hiệu trưởng là trưởng ban; Tổng phụ trách, Bí thư đoàn và các giáo viên chủ nhiệm là thành viên [H1-1.3-04].

b) Các tổ chức đoàn thể nhà trường đã tổ chức được các hoạt động thuộc nhiệm vụ, trách nhiệm của mình gắn liền với kế hoạch phát triển nhà trường. Cụ thể: Công đoàn cơ sở đã thực hiện tốt chức năng tham gia, giám sát và phối hợp với chính quyền nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chăm lo và bảo vệ chính đáng quyền lợi của CB-GV-NV [H1-1.3-05]. Chi đoàn giáo viên thể hiện được tính tiên phong của người đoàn viên trong việc thực hiện kế hoạch phong trào nhà trường, và hỗ trợ Đội Thiếu niên trong việc kiểm tra, chấn chỉnh nề nếp, giáo dục đạo đức học sinh thêm hiệu quả. Đội Thiếu niên thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục đạo đức học sinh, các hoạt động Đội đảm bảo theo kế hoạch đề ra [H1-1.3-06] [H1-1.3-07].

c) Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên định kỳ hàng tháng, cuối mỗi học kỳ, cuối năm học đều thực hiện công tác sơ kết, tổng kết. Đảm bảo tốt công tác rà soát đánh giá hằng năm. Qua đó, rút kinh nghiệm và bổ sung cho kế hoạch hoạt động, thực hiện tốt hơn trong giai đoạn tiếp theo. [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

Mức 2

a) Nhà trường có 1 chi bộ Đảng với 12 Đảng viên, nhiệm kỳ 2,5 năm Đại hội 01 lần, bầu ra Chi ủy gồm: Bí thư, 01 Phó bí thư và 01 Chi ủy viên. Chi bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị theo Nghị quyết của chi bộ đề ra. Qua 5 năm từ 2019 đến 2023 chi bộ đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-11].

b) Các tổ chức đoàn thể gồm: Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm. Các đoàn thể nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường như: các phong trào thi GVĐG, thi GVCN giỏi, thi ĐDDH, thi thiết kế giáo án, thi HSG các cấp, tham gia các hoạt động văn nghệ,

TĐTT,... và trong việc chấn chỉnh nề nếp, giáo dục đạo đức học sinh. Qua 5 năm các tổ chức đoàn thể nhà trường đều được đánh giá và đạt loại mạnh [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14].

Mức 3

a) Trong 05 năm từ năm 2019 đến 2023, chi bộ nhà trường được đảng ủy xã Phước Vĩnh Đông đánh giá công nhận “hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-11].

b) Các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Chi đoàn, Đội Thiếu niên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm. Có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: các phong trào thi đua yêu nước do ngành phát động, hoạt động chuyên môn của trường, chấn chỉnh nề nếp và giáo dục đạo đức học sinh, tham gia các hoạt động ý nghĩa trong cộng đồng như: đăng ký chăm sóc nhà che bia liệt sĩ xã Phước Vĩnh Đông, thăm viếng mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Tần dịp 27/7 và xuân về, về nguồn viếng khu di tích lịch sử Cầu Tre (xã Phước Vĩnh Đông), công đoàn viên, đoàn viên tham gia hiến máu nhân đạo, tham gia đóng góp các quỹ vì người nghèo,... [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-15] [H1-1.3-16].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên nhà trường được thành lập, có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng theo Điều lệ trường trung học: có kế hoạch hoạt động, có sơ tổng kết, có biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Chi bộ 05 năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 nhà trường phối hợp với Đoàn xã thực hiện tốt công tác nhân sự trước khi đại hội chi đoàn; làm tốt công tác tư tưởng chính trị trong đội ngũ đoàn viên. Đảm bảo nhân sự ổn định và có tính kế thừa.

Bí thư đoàn chủ động trong việc học hỏi kinh nghiệm từ các chi đoàn bạn, kinh nghiệm từ bí thư đoàn xã.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1. 4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các

nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có quy mô loại 2. Cơ cấu CBQL hiện có gồm: Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng. Đảm bảo đủ số lượng theo đúng quy định Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT và Thông tư 32/2020/TTBGDĐT [H1-1.4-01].

b) Thực hiện theo điều 16 và điều 17 của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021, mỗi năm nhà trường đều thành lập 04 tổ chuyên môn, và 01 tổ văn phòng, do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập. Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024 các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập theo điều 14 và điều 15 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT. Mỗi tổ có 01 tổ trưởng quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định của mỗi năm học [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Vào đầu mỗi năm học, các tổ trưởng đã dựa trên kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của Tổ theo năm, tháng; hồ sơ Tổ được hiệu trưởng phê duyệt và kiểm tra hàng tháng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều 16 và 17 của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT và từ tháng 11/2020 theo điều 14 của Thông tư 32/2020/BGDĐT (Điều lệ trường trung học) như: sinh hoạt tổ ít nhất 01 lần trong 2 tuần và có thể họp đột xuất theo quy định; sinh hoạt cụm chuyên môn; triển khai các chuyên đề chuyên môn; dự giờ thao giảng; bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ văn phòng thực hiện các hoạt động hành chính theo kế hoạch và phân công của hiệu trưởng gồm: Kế toán-văn thư thực hiện quản lý thu, chi tài chính, thực hiện và lưu trữ hồ sơ. Nhân viên thư viện và thiết bị thực hiện

nghiệp vụ chuyên môn, lập kế hoạch mua sắm bổ sung thiết bị, tài liệu tham khảo, ĐDDH. Nhân viên bảo vệ phục vụ đảm bảo ANTT trường học, bảo quản tài sản, vệ sinh môi trường. Nhân viên y-tê thực hiện chăm sóc sức khỏe, kiểm tra vệ sinh môi trường,... đúng theo qui định [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 2

a) Căn cứ kế hoạch hoạt động của bộ phận chuyên môn. Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều tổ chức thực hiện được ít nhất từ 2 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng giáo dục như: đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục đạo đức học sinh, một số phương pháp gây hứng thú cho HS trong học tập, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh, biện pháp khắc phục học sinh yếu kém,... Qua các chuyên đề các tổ chuyên môn đã thảo luận, tìm ra các nguyên nhân hạn chế, đưa ra nhiều giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả giáo dục hằng năm [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

b) Hằng tháng, các tổ chuyên môn đảm bảo họp tổ đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học, sinh hoạt định kỳ 01 lần/02 tuần và họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi Hiệu trưởng yêu cầu. Các tổ chuyên môn đảm bảo chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng. Qua đó, bộ phận chuyên môn nhà trường đánh giá chung được hoạt động chuyên môn nhà trường trong tháng, kịp thời đưa ra giải pháp điều chỉnh những hạn chế trong hoạt động của tổ, đồng thời giúp các tổ xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hoàn thiện hơn trong tháng tiếp theo. Cuối mỗi học kỳ, cuối năm học các tổ chuyên môn đều thực hiện báo cáo kết quả hoạt động của tổ chuyên môn, trong đó có đánh giá kết quả đạt được cùng hạn chế, đồng thời đề ra giải pháp kịp thời điều chỉnh [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10]. Tổ văn phòng họp giao ban hàng tuần, qua đó đánh giá rút kinh nghiệm kết quả hoạt động của các thành viên trong tổ, đồng thời triển khai kế hoạch hoạt động của tổ giai đoạn tiếp theo. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học đều có đánh giá rút kinh nghiệm thông qua các báo cáo [H1-1.4-11]; [H1-1.4-12].

Mức 3

a) Nhằm góp phần trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Tổ chuyên môn đã xây dựng các kế hoạch và tổ chức thực hiện được các hoạt động như: đổi mới họp tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; thao giảng rút kinh nghiệm, thống nhất các phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; tổ chức chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi từ đầu năm học, thông qua giáo viên bộ môn lập danh sách phụ đạo học sinh yếu kém; các hoạt

động ngoại khóa; tổ chức các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống,... Tổ văn phòng đảm bảo tổ chức; phân công trực quản lý hoạt động hành chính, thực hiện lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định [H1-1.4-03] [H1-1.4-04] [H1-1.4-05].

b) Hằng năm, các tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 2 chuyên đề chuyên môn với các nội dung góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. [H1-1.4-10].

2. Điểm mạnh

Có biên chế CBQL đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập và có cơ cấu tổ chức theo quy định. Hằng tháng các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường hoạt động thực hiện đúng theo kế hoạch công tác và hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Đảm bảo sinh hoạt chuyên môn 01 lần/02 tuần về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động giáo dục khác.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo Hiệu trưởng chỉ đạo Bộ phận chuyên môn khi tổ chức triển khai các chuyên đề cần xem xét chọn nội dung, giải pháp phù hợp cho các bộ môn nhằm triển khai thực hiện hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Trường trong 5 năm từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 có

đủ các lớp của cấp học từ khối 6 đến khối 9 [H1-1.5-01]. Cụ thể:

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 6	3	3	3	3	3
Khối lớp 7	3	3	3	3	3
Khối lớp 8	3	3	3	3	2
Khối lớp 9	3	3	3	3	3
Cộng	12	12	12	12	11

b) Căn cứ Điều 15 của Thông tư 12/2011/BGDĐT và từ ngày 01/11/2020 là Điều 16 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT (Điều lệ trường trung học), hằng năm học sinh nhà trường từ khối 6 đến khối 9, đều được phân chia và tổ chức theo lớp học. Mỗi lớp có 1 lớp trưởng, và các lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành các tổ. Mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02].

c) Các hoạt động của lớp học được thực hiện trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Mỗi lớp có lớp trưởng làm nhiệm vụ quản lý chung và điều hành các hoạt động của lớp. Các lớp phó đảm nhận quản lý một nhiệm vụ về hoạt động học tập hoặc hoạt động văn thể hoặc hoạt động trật tự,... Hằng tuần ghi nhận và báo cáo kết quả các mặt hoạt động của lớp cho giáo viên chủ nhiệm vào tiết sinh hoạt lớp [H1-1.5-02].

Mức 2

Trường quy mô loại 2 vùng khó khăn với từ 11 đến 12 lớp. Số học sinh trong lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01].

Mức 3

Trường có tổng số từ 11 đến 12 lớp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024. Tuy nhiên bình quân mỗi lớp trên 40 học sinh [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có không quá 12 lớp. Nhà trường có đủ các khối lớp của cấp học. Các lớp có cơ cấu tổ chức và thực hiện hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học.

3. Điểm yếu

Số học sinh/lớp một số khối lớp còn trên 40 HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu lãnh đạo Phòng GD&ĐT về biên chế giáo viên trong những năm

tiếp theo khi duyệt biên chế đầu năm, đảm bảo đủ tỉ lệ GV/lớp và đạt mức độ 3 khi chia lớp không quá 40 HS/lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đầy đủ hồ sơ sổ sách quản lý hành chính, tài chính và tài sản, được lưu trữ theo quy định tại Điều 27 của Thông tư 12/BGDĐT và từ ngày 01/11/2020 theo quy định tại Điều 21 của Thông tư 32/2020/BGDĐT; hồ sơ sổ sách được cập nhật đầy đủ, thường xuyên theo dõi sử dụng và bảo quản. Hệ thống hồ sơ được lưu trữ theo quy định như: sổ quản lý tài chính, sổ tài sản, sổ đăng bộ, học bạ, sổ điểm, hồ sơ VC, hồ sơ thi đua, hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ theo dõi phổ cập, hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.5-01]; [H1-1.6-05]; [H1-1.2-08]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

b) Nhà trường hằng năm thực hiện dự toán ngân sách được Phòng GD&ĐT, Phòng Tài chính-Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Cần Giuộc phê duyệt.

Nhà trường cũng đã thực hiện: lập dự toán, thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của nhà nước. Thực hiện công khai tài chính hàng quý, sau khi kết thúc năm tài chính và công tác tự kiểm tra tài chính định kỳ theo hướng dẫn của thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]. Thực hiện kiểm kê tài sản hàng năm theo qui định [H1-1.6-12]. Mỗi năm thông qua Hội nghị VC nhà trường xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ cho đơn vị, nội dung quy chế phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-13].

c) Căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ hằng năm. Nhà trường xác định các nguồn chi hàng tháng như: điện, nước uống, nước sinh hoạt, điện thoại, internet,... Qua đó, quản lý và sử dụng đúng mục đích nguồn tài chính để mua sắm, sửa chữa CSVC và đảm bảo phục vụ cho các hoạt động giáo dục một cách hiệu quả [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-12].

Mức 2

a) Nhà trường đã thực hiện đổi mới trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua việc sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý như: phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản, qlgd, CSDL.moet.edu.vn,... đầu tháng 5/2022 nhà trường đã thực hiện phần mềm quản lý văn bản, ký số. Qua đó, đã giúp cho nhà trường thực hiện công tác quản lý hiệu quả hơn [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-16].

Mức 3

Nhà trường có xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường. Tuy nhiên, kế hoạch chưa thể hiện được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện quản lý tài chính, tài sản và có đủ hồ sơ lưu trữ theo quy định. Hàng năm, có lập dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng qui định của ngành. Thực hiện công khai tài chính, minh bạch, kịp thời kiểm kê tài sản đúng theo qui định.

3. Điểm yếu

Kế hoạch chưa thể hiện được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo trong họp Hội đồng trường, cần xác định các nguồn lực cần huy động, có khả năng huy động hợp pháp và hiệu quả. Qua đó, bổ sung kế hoạch trung hạn, dài hạn tạo ra nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm của ngành. Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và nhân viên. Trên cơ sở mỗi CB-GV-NV xây dựng kế hoạch tự học và tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm do ngành tổ chức. Căn cứ TT 12/BGDĐT và Thông tư 32/2020/BGDĐT đến thời điểm có 19/19 CB-GV đạt trình độ chuẩn; có 19/19 cán bộ, giáo viên hoàn thành lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp. [H1-1.7-01].

b) Vào đầu mỗi năm học, căn cứ vào biên chế lớp, biên chế giáo viên, năng lực, kinh nghiệm, điều kiện của từng CB-GV-NV, Nhà trường tiến hành họp Ban lãnh đạo, thống nhất việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, đảm bảo việc phân công nhiệm vụ cho đội ngũ rõ ràng, hợp lý và hoạt động hiệu quả [H1-1.7-03].

c) Thực hiện Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện

hành khác quy định về chế độ quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hằng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định như: chế độ thâm niên nhà giáo, lương và phụ cấp hàng tháng, xét nâng lương thường xuyên và trước hạn, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn,... [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2

Hằng năm, vào đầu mỗi năm học nhà trường xây dựng các kế hoạch và phát động các phong trào thi đua như: thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường, thiết kế giáo án tương tác, chiến sĩ thi đua cơ sở,... và vận động giáo viên đăng ký tham gia. Qua các cuộc thi đã tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực của mình và góp phần trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm do ngành tổ chức. Có kế hoạch tự học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Phân công nhiệm vụ chuyên môn hằng năm hợp lý, hiệu quả. Đảm bảo đầy đủ chế độ quyền lợi cho CB-GV-NV.

Tổ chức được các phong trào phát huy được năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Nhân viên thiết bị chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 -2025, Hiệu trưởng tham mưu lãnh đạo Phòng GD&ĐT, tạo điều kiện cho nhân viên thiết bị được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường đều có xây dựng kế hoạch giáo dục, căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học và khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương được Phòng GD&ĐT phê duyệt. Kế hoạch được triển khai cho cho toàn đội ngũ giáo viên nhà trường, kế hoạch có nội dung phù hợp [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục nhà trường được triển khai cho toàn HĐSP; bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể; tổ chuyên môn dựa trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch và yêu cầu mỗi giáo viên dạy lớp cụ thể hóa bằng kế hoạch giáo dục cá nhân, đồng thời tổ chức thực hiện theo kế hoạch thời gian của năm học. Kế hoạch được tổ chức thực hiện đầy đủ qua hoạt động giảng dạy của các môn học theo khung phân phối chương trình của BGDĐT và các hoạt động khác như: giáo dục ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,... các hoạt động được thể hiện qua thời khóa biểu, lịch báo giảng, sổ ghi đầu bài của lớp [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

c) Để đảm bảo kế hoạch giáo dục thực hiện đầy đủ, hiệu quả. Hằng tháng, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, TTCM tiến hành kiểm tra giáo viên việc thực hiện kế hoạch giáo dục. Qua đó, kế hoạch được rà soát để kịp thời điều chỉnh phù hợp, nhằm đạt kế hoạch đề ra [H1-1.8-04].

Mức 2

Căn cứ vào chương trình giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, nhà trường điều hành hoạt động giáo dục thông qua xây dựng kế hoạch và xếp thời khóa biểu. Các hoạt động giáo dục được giáo viên thể hiện qua lịch báo giảng, sổ ghi đầu bài. Nhằm kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục. Nhà trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, đưa ra các biện pháp kiểm tra, đánh giá, tổ chức thực hiện trong suốt cả năm học, cụ thể thành lập tổ tự kiểm tra và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên. Qua tự kiểm tra hằng năm đều đạt kết quả nội dung kế hoạch đề ra [H1-1.8-05].

Nhằm giúp học sinh củng cố và hệ thống lại các kiến thức đã học, nhà trường tổ chức dạy thêm theo quy định. Trong năm học 2019-2020 nhà trường chỉ tổ chức

dạy thêm riêng cho khối 9. Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022 nhà trường chỉ tổ chức bồi dưỡng tuyển sinh 10 cho HS khối 9. Từ năm học 2022-2023 đến nay nhà trường tổ chức ôn tập củng cố kiến thức 3 môn Văn-Toán-Tiếng Anh và ôn tuyển sinh cho học sinh khối 9, không có giáo viên vi phạm về dạy thêm học thêm [H1-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục, và kế hoạch được thực hiện đầy đủ. Tổ chức được công tác tự kiểm tra, đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục hằng năm. Thực hiện đảm bảo công tác quản lý dạy thêm học thêm trong nhà trường theo quy định tại thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về dạy thêm học thêm.

3. Điểm yếu

Một số hoạt động như giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hầu hết giáo viên là kiêm nhiệm nên hạn chế về chuyên môn, các hoạt động còn khuôn mẫu, chưa phong phú nên chưa gây hứng thú môn học cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các năm học tiếp theo nhà trường cử và tạo điều kiện cho giáo viên tham gia khi có các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; thư viện có kế hoạch bổ sung tài liệu tham khảo cho giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Ban lãnh đạo nhà trường đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động, thể hiện trong việc CB-GV-NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện lấy ý kiến bằng cách gửi dự thảo các văn bản qua e-mail, zalo cá nhân, để CB-GV-NV xem và ý kiến tổng hợp qua tổ chuyên môn, tiếp theo thông qua họp Ban lãnh đạo và thống nhất trong Hội đồng sư phạm. Một số kế hoạch, nội quy, quy chế được CB-GV-NV đóng góp như: Kế hoạch năm học, quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế hoạt động nhà trường, biểu điểm thi đua,... đều được thông qua đội ngũ CB-GV-NV đóng góp ý kiến và đi đến nhất trí thông qua Hội nghị VC hằng năm [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên ít ý kiến đóng góp trong việc xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của nhà trường.

b) Vào mỗi năm học, trong họp Hội đồng sư phạm đầu năm Nhà trường đều nhắc lại cho giáo viên nhớ, khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phải đúng luật, không khiếu kiện vượt cấp. Nhà trường có xây dựng hộp thư góp ý và tiếp nhận đơn thư hoặc tiếp nhận trực tiếp. Tính đến thời điểm đơn vị không có khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, trường đều xây dựng quy chế dân chủ cơ sở để đơn vị thực hiện [H1-1.9-04]. Để đánh giá công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Nhà trường có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, nhằm đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ hằng năm vào ngày Hội nghị viên chức [H1-1.9-05].

Mức 2

Ban lãnh đạo trường đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động nhà trường. Cụ thể quy chế dân chủ được tập thể xây dựng thông qua Hội nghị VC và nhà trường triển khai thực hiện. Nhằm thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nhà trường thực hiện các nội dung công khai minh bạch định kỳ cho đội ngũ các hoạt động như: các kế hoạch hoạt động, chế độ chính sách của GV và học sinh, công khai tài chính, thi đua khen thưởng, đánh giá xếp loại VC,... bằng các hình thức thông qua bảng tin, họp Hội đồng sư phạm, giúp tập thể CB-GV-NV và Ban TTND giám sát tốt việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở nhà trường. Qua đó, đảm bảo các hoạt động được công khai minh bạch, giúp nội bộ thông hiểu, đoàn kết [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, xây dựng được quy chế dân chủ cơ sở và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, đảm bảo công khai minh bạch, TTND phát huy được vai trò giám sát của CB-GV-NV; đơn vị không có khiếu nại, tố cáo xảy ra.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên ít ý kiến đóng góp trong việc xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện tốt môi trường dân chủ, phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình của giáo viên. Quán triệt cho đội ngũ công việc đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của nhà trường là cơ sở đánh giá viên chức cuối năm nhằm nâng cao chất lượng và ý kiến đóng góp của GV-NV nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Nhà trường đã có các biện pháp triển khai đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông

tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường hằng năm đều đảm bảo xây dựng được các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Các kế hoạch được triển khai cho toàn thể CB-GV-NV và học sinh được biết để thực hiện. Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch các đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của căn tin, nhằm đảm bảo sức khỏe cho HS học tập và thực hiện kế hoạch phối hợp với công an xã trong việc đảm bảo ANTT trường học, phòng chống tệ nạn xâm nhập học đường. Bên cạnh đó, nhà trường còn có 02 nhân viên bảo vệ, đảm bảo nhiệm vụ trực giữ gìn ANTT trường học [H1-1.10-01].

b) Nhằm giúp nhà trường tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CB-GV-NV và học sinh trong nhà trường. Nhà trường đã xây dựng hộp thư góp ý và đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý thông tin. Qua các năm từ 2019-2024 nhà trường chưa xảy ra các trường hợp gây rối đánh nhau hoặc gây mất ANTT trường học [H1-1.10-02].

c) Để góp phần đảm bảo ANTT trường học, nhà trường luôn quan tâm tạo môi trường học tập thân thiện thông qua phong trào xây dựng trường học “xanh, sạch, an toàn”. Bên cạnh, các đoàn thể nhà trường còn thực hiện các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Bên cạnh thông qua sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp; Tổng phụ trách và GVCN không ngừng giáo dục học sinh về đạo đức lối sống. Qua đó, giúp học sinh nâng cao ý thức trong vui chơi và học tập. Trong những năm học vừa qua, trong phạm vi nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới trong giáo viên và học sinh; tình trạng bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-03]. Nhà trường không tổ chức bếp ăn; có căn-tin đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Vào tháng 12/2021 nhà trường đã phối hợp với Công ty giáo dục kỹ năng sống GAIA tổ chức các lớp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tuy nhiên, số lượng học sinh tham gia các lớp giáo dục kỹ năng sống còn hạn chế.

Mức 2

a) Các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn

phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ-cứu nạn, cứu hộ; an toàn phòng, chống thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; hằng năm đều được xây dựng với nội dung biện pháp cụ thể, có phân công thực hiện và triển khai cho đội ngũ CBQL, GV, NV và học sinh được biết thông qua họp HĐSP và sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp để thực hiện. Ngoài ra, các kế hoạch còn được nhà trường triển khai thông qua việc mời Công an xã đến sinh hoạt cho học sinh các nội dung về phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường; mời Y tế xã đến tuyên truyền các nội dung phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; đồng thời Đội Thiếu niên cùng Đoàn Thanh niên cũng tham gia tuyên truyền cho học sinh công tác phòng chống tai nạn thương tích vào các tiết sinh hoạt đầu tuần [H1-1.1-03]; [H1-1.10-04].

b) Trường có 02 nhân viên bảo vệ thay nhau thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trường học 24/24; đồng thời nhà trường cũng có kế hoạch phối hợp với Công an xã Phước Vĩnh Đông để đảm bảo an toàn cho học sinh và cho CB-GV-NV trong nhà trường. Thực hiện theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, Hiệu trưởng đại diện nhà trường ký kế hoạch phối hợp với Công an xã Phước Vĩnh Đông về đảm bảo an ninh trật tự trường học; trường có thành lập lực lượng tự vệ để bảo quản tài sản, CSVC, ANTT và an toàn xã hội trong nhà trường. Bên cạnh, trường còn thiết lập hệ thống camera gồm 18 mắt quan sát; cùng với việc Đoàn và Đội thường xuyên thực hiện kế hoạch phân công đoàn viên, kiểm tra việc thực nội quy của học sinh vào các giờ chuyển tiết, đã góp phần đảm bảo ANTT nhà trường. Ngoài ra, qua kiểm tra của đội cờ đỏ, nhân viên bảo vệ, tổng phụ trách, hằng ngày đã giúp Ban giám hiệu biết và xử lý kịp thời các thông tin, nên kịp thời không để bạo lực học đường xảy ra và đảm bảo tốt an ninh trật tự trường học [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh

Xây dựng được các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ; an toàn phòng, chống thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng,

chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường và triển khai cho toàn thể CB-GV-NV, học sinh được biết và thực hiện. Qua các năm nhà trường luôn đảm bảo ANTT trường học và không để bạo lực học đường xảy ra.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy ưu điểm trong xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

Có kế hoạch phối hợp với các ngành có liên quan trong việc đảm bảo ANTT, ATTP, tai nạn thương tích, trường học, phòng chống tệ nạn xâm nhập học đường,...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận Tiêu chuẩn 1

Trường THCS Phước Vĩnh Đông có thành lập các tổ chức, đoàn thể đầy đủ và có tính pháp lý gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn TNCS.HCM, Đội TNTP.HCM, Hội đồng thi đua-khen thưởng, Hội đồng trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng,... các tổ chức đã ban hành quy chế hoạt động phù hợp với Điều lệ trường trung học.

Nhà trường có đủ 04 khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9, trường có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng hoạt động đúng theo điều lệ trường trung học và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

CB-GV-NV thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục đúng theo điều lệ trường trung học. Mỗi học kỳ, năm học nhà trường tổ chức đánh giá hai mặt giáo dục đối với học sinh theo đúng qui định và công khai trước hội đồng sư phạm nhà trường.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nội bộ đoàn kết, không xảy ra khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tuy nhiên kế hoạch phát triển nhà trường chưa thể hiện được nội dung kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Số lượng đạt mức 1: 10/10 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 2: 10/10 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 3: 03/05 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Đây là tiêu chuẩn quan trọng, có tính chất quyết định năng suất hoạt động của mỗi cán bộ, giáo viên và nhân viên. Nó góp phần chủ yếu đến chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường THCS Phước Vĩnh Đông thực hiện tốt cơ cấu tổ chức trong nhà trường về cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo Điều lệ trường trung học. Nhà trường có đủ số lượng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng bảo đảm được các tiêu chuẩn theo qui định của Luật Giáo dục đối với cấp học.

Giáo viên nhà trường có đủ số lượng và chất lượng được đào tạo đạt chuẩn theo yêu cầu của cấp học; giáo viên đã thực hiện tốt nhiệm vụ, có năng lực, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt nên có nhiều giáo viên đăng ký và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhiều năm liền. Giáo viên Tổng phụ trách Đội hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhân viên nhà trường được cơ cấu khá đầy đủ về số lượng và được đảm bảo quyền lợi khi thực hiện nhiệm vụ. Học sinh bảo đảm độ tuổi khi đến trường theo qui định trong Điều lệ trường phổ thông.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.*

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có số năm dạy học, những tiêu chuẩn về phẩm chất nghề nghiệp đạt các tiêu chuẩn theo qui định của Điều lệ trường trung học [H2-2.1-01]; [H1-1.4-01].

b) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Điều lệ trường học. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được xếp loại khá trở lên [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường luôn có ý thức về việc bồi dưỡng và tự bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng từ năm học 2019-2020 đến nay đã được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về QLGD [H2-2.1-03].

Mức 2

a) Hiệu trưởng nhà trường thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Điều lệ trường học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức Khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã tham gia và hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác [H2-2.1-04]. Hằng năm, vào cuối năm học HT và P.HT đều được giáo viên, nhân viên nhà trường góp ý về công tác quản lý. Qua góp ý luôn được sự tín nhiệm cao của tập thể giáo viên, nhân viên [H1-1.1-03].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng ở mức Khá trở lên, có ít nhất 1 năm đánh giá chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt (năm học 2020-2021 được đánh giá ở mức Tốt. P.HT qua 5 năm đều được đánh giá chuẩn ở mức Tốt) [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, PHT nhà trường đạt các tiêu chuẩn quy định về trình độ chuyên môn, quản lý giáo dục, trung cấp lý luận chính trị, được sự tín nhiệm của tập thể.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng cố gắng phấn đấu trong những năm tiếp theo được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Khá trở lên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Hàng năm, căn cứ vào số lượng lớp Nhà trường xây dựng kế hoạch biên chế, số lượng giáo viên đảm bảo tỉ lệ GV/lớp và cơ cấu giáo viên các môn học luôn đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.7-03]. Cụ thể:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024

1	Tổng số giáo viên	23	22	23	21	19
2	Tổng số lớp	12	12	12	12	11
3	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,92	1,83	1,92	1,75	1,73

b) Căn cứ điều 33 Điều lệ trường trung học, từ năm học 2019-2020 trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong đó có 21/23 giáo viên trình độ đại học (tỉ lệ 91,3%) và 02/23 giáo viên trình độ cao đẳng (tỉ lệ 8,7%). Từ 01/11/2020 căn cứ Điều 30 của Thông tư 32/2020/BGDĐT Điều lệ trường trung học, nhà trường có 21/22 đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, có 01 giáo viên trình độ cao đẳng chưa đạt chuẩn trình độ quy định, hiện đang tham gia học tập để đạt chuẩn trình độ nên chưa đạt 100% GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định. Từ ngày 20/10/2021 căn cứ Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT, Thông tư ngưng hiệu lực quy định về quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ Giáo dục ban hành. Năm học 2021-2022 trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong đó có 21/23 giáo viên trình độ đại học (tỉ lệ 91,3%) và 02/23 giáo viên trình độ cao đẳng (tỉ lệ 8,7%). Năm học 2022-2023 có 21/21 giáo viên trình độ đại học (tỉ lệ 100%). Năm học 2023-2024 có 19/19 giáo viên trình độ đại học (tỉ lệ 100%) [H2-2.2-01].

c) Chuẩn nghề nghiệp giáo viên là cơ sở để nhà trường đánh giá chất lượng giáo viên, đồng thời là mục tiêu để giáo viên phấn đấu hoàn thiện các yêu cầu của nghề nghiệp. Tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên (19/19 GV) đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2

a) Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm ngày 31/10/2020 năm học 2020-2021 nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định. Từ 01/11/2020 căn cứ Điều 30 của Thông tư 32/2020/BGDĐT Điều lệ trường trung học, trường chưa đạt 100% GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định. Từ ngày 20/10/2021 căn cứ Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT, Thông tư ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ Giáo dục ban hành. Năm học 2021-2022 trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Năm học 2022-2023 đến năm học 2023-2024 trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo, cụ thể:

Năm học	Tổng số giáo viên	Số lượng giáo viên có trình độ đạt chuẩn	Tỉ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn	Số lượng GV có trình độ trên chuẩn	Tỉ lệ GV đạt trình độ trên chuẩn	Ghi chú
2019-2020	23	23	100%	21	91,30%	
2020-2021	22	22	100%	21	95,45%	
2021-2022	23	23	100%	21	91,30%	
2022-2023	21	21	100%	00	0%	
2023-2024	19	19	100%	00	0%	

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm 10/2024, tỷ lệ giáo viên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01]; [H1-1.7-03].

b) Qua 05 năm liên tiếp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên và tính đến thời điểm đánh giá, kết quả cụ thể như sau:

Năm học	Tổng số giáo viên	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp			Ghi chú
		Đạt	Khá	Tốt	
2019-2020	23	0	10	13	
2020-2021	22	1	0	21	
2021-2022	23	0	3	20	
2022-2023	21	0	4	17	
2023-2024	19	0	4	15	

Qua các năm giáo viên nhà trường luôn duy trì đạt 100% chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên theo quy định. Trong đó luôn duy trì đạt 70% chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03].

c) Thực hiện kế hoạch năm học, đội ngũ giáo viên nhà trường hằng năm đều tổ chức được các hoạt động trải nghiệm như: tổ chức cho HS tham trường nghề Cần Giuộc và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè tư vấn hướng nghiệp cho HS và CMHS lớp 9, qua đó định hướng phân luồng cho học sinh; tổ chức hướng dẫn HS tham gia thi sáng tạo KHKT. Nhà trường trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật [H2-2.2-03].

Mức 3

a) Qua 05 năm liên tiếp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp đạt trên 70% từ mức khá trở lên, trong đó đạt trên 20% chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt đối với vùng đặc biệt khó khăn [H2-2.2-02].

b) Trong 5 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 mỗi năm nhà trường đều có báo cáo sáng kiến kinh nghiệm đạt cấp trường, cấp Huyện, và cấp Tỉnh [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa nhân rộng được các đề tài sáng kiến kinh nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Căn cứ kết quả sáng kiến kinh nghiệm, các sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp Huyện hằng năm, nhà trường tổ chức các chuyên đề cho giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học. Qua đó, giúp đội ngũ giáo viên biết và ứng dụng các biện pháp vào thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm 5/2021, nhà trường có 4 nhân viên biên chế và 2 nhân viên bảo vệ theo hợp đồng 68 và đến tháng 01/2020 thực hiện theo hợp đồng 161. Nhân viên trường gồm có: 01 nhân viên kế toán (kế toán liên trường), 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị. Trong đó nhân viên thiết bị kiêm nhiệm công việc thủ quỹ, đáp ứng các nhiệm vụ được giao theo Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập [H1-1.7-03].

b) Nhân viên kế toán, nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị, nhân viên y tế được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-01]; [H1-1.7-03].

c) Nhân viên nhà trường luôn đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Hằng năm, các nhân viên đều được đánh giá xếp loại. Qua 05 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến thời điểm đánh giá, có 100% nhân viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong đó nhân viên kế toán HTTNV từ năm 2019-2020 đến năm 2020-2021, đến thời điểm 8/2021 nhân viên kế toán chuyển đơn vị công tác và nhân viên kế toán là nhân viên hợp đồng kế toán liên trường. Các nhân viên còn lại trong 5 năm đạt từ HTTNV trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2

a) Nhà trường có 04 nhân viên đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu theo quy định gồm: 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư (kế toán liên trường), 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên y tế và 03 nhân viên bảo vệ phục vụ theo hợp đồng [H1-1.7-03].

b) Hằng năm, cuối mỗi năm học các nhân viên đều được nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhân viên nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có nhân viên nào bị kỷ luật và từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3

a) Các nhân viên nhà trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng được vị trí việc làm. Cụ thể Nhân viên kế toán có trình độ Đại học (tháng 8/2021 chuyển đơn vị công tác), nhân viên làm công tác thư viện và nhân viên thiết bị có trình độ cao đẳng, nhân viên y tế có trình độ trung cấp [H2-2.3-03].

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng, chuyên môn nghiệp vụ theo khung vị trí việc làm như: Kế toán được tập huấn nghiệp vụ

chuyên môn kế toán; phần mềm kế toán; phần mềm tài sản, nhân viên thư viện tập huấn phần mềm thư viện, nhân viên y tế dự các lớp tập huấn tuyên truyền phòng bệnh. Riêng nhân viên thiết bị chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Các nhân viên đều đạt trình độ chuẩn quy định trở lên. Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhân viên thiết bị chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, do giáo viên được tuyển vào ngạch nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo tạo điều kiện cho nhân viên thiết bị được tham gia khi có các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thiết bị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ Điều 37 Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT và Điều 33 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường trung học, học sinh nhà trường qua các năm học đảm bảo vào học lớp 6 đúng độ tuổi là 11 tuổi, không có học sinh học trước tuổi [H1-1.6-03].

b) Học sinh nhà trường được đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều 38 Điều lệ trường trung học gồm: nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo

chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Thực hiện nội quy nhà trường. Tham gia các hoạt động rèn luyện thân thể, các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông [H1-1.5-02]; [H1-1.8-03]; [H2-2.4-01]. Qua thực hiện nhiệm vụ cuối mỗi năm học đa số học sinh đều thực hiện tốt nhiệm vụ và được đánh giá hạnh kiểm khá-tốt; song vẫn còn 1 số học sinh chưa thực hiện tốt nhiệm vụ học tập: không làm bài, không thuộc bài khi đến lớp do chưa thói quen học tập, cha mẹ lo việc làm chưa dành thời gian quan tâm nhắc nhở, kiểm tra việc học tập của HS,... [H1-1.8-03]; [H1-1.5-01].

c) Tất cả học sinh khi đến trường, đều được nhà trường đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quyền khác theo quy định của pháp luật như: được học tập đầy đủ các môn học, các HS thuộc gia đình diện hộ nghèo và cận nghèo, KHHGD được miễn giảm học phí, nhận hỗ trợ chi phí học tập. Từ năm 2017 đến nay những học sinh có hộ khẩu thuộc ấp Vĩnh Thạnh, xã Phước Vĩnh Đông được hỗ trợ cấp gạo mỗi tháng 15 kg và tiền ăn ở theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP [H1-1.8-03]; [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03].

Mức 2

Nhằm giúp học sinh thực hiện tốt nội quy; quy định nhà trường; không vi phạm các hành vi không được làm; nhà trường đã tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh như: kiểm tra đầu giờ, lập các đoàn kiểm tra vào các giờ chuyển tiết,... nhằm phát hiện kịp thời những học sinh vi phạm các hành vi không được làm. Qua đó có các biện pháp giáo dục phù hợp với từng trường hợp như nhắc nhở, học tập nội quy, phối hợp gia đình,... và giúp học sinh có chuyển biến tích cực. Trong 5 năm đến thời điểm đánh giá, học sinh nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ, không có học sinh vi phạm bị kỷ luật [H2-2.4-04]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3

Hưởng ứng các phong trào do ngành Giáo dục phát động. Hằng năm, đội ngũ học sinh khá giỏi đã đóng góp nhiều thành tích cho phong trào HSG văn hóa và thể dục thể thao nhà trường. Cụ thể qua 5 năm, học sinh nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động học tập và rèn luyện của học sinh nhà trường [H2-2.4-05]; [H2-2.4-06]; [H2-2.4-07]. Bảng thống kê số liệu.

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	HSG cấp trường	140	187	183	213	257
2	HSG cấp Huyện	6	15	13	7	5
3	HSG cấp Tỉnh	-	-	2	4	1
4	Huy chương HKPD cấp Huyện	-	-	-	8	-
5	Huy chương HKPD cấp Tỉnh	-	-	-	2	-

2. Điểm mạnh

Không có học sinh quá tuổi theo quy định về tuổi học sinh của điều lệ trường trung học. HS được đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, các quyền theo quy định.

Hằng năm, đều có học sinh đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Vẫn còn có một số học sinh chưa thực hiện tốt nhiệm vụ học tập: không làm bài, không thuộc bài khi đến lớp, với nhiều nguyên nhân do chưa thói quen học tập, cha mẹ lo việc làm chưa dành thời gian quan tâm nhắc nhở, kiểm tra việc học tập của HS,...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, GVCN các lớp tìm hiểu và báo cáo nguyên nhân cụ thể những học sinh không làm bài, không thuộc bài khi đến lớp; kịp thời thống nhất giải pháp cho từng nguyên nhân, thông báo cho CMHS biết và phối hợp thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận tiêu chuẩn 2:

Cán bộ quản lý, nhân viên nhà trường đều đạt các chuẩn quy định về chuyên môn; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn quản lý giáo dục và trung cấp lý luận chính trị.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo số lượng và cơ cấu theo quy định Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT; có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp.

Nhân viên nhà trường có số lượng, cơ cấu đáp ứng nhiệm vụ được giao và được phân công phù hợp, hợp lý theo năng lực.

Hàng năm, đều có học sinh đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

100% GV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định.

Số lượng đạt mức 1: 4/4 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 2: 4/4 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 3: 3/4 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được các cấp lãnh đạo đầu tư trong nhiều năm qua, nhà trường đã phát huy tốt để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Các quy định về khuôn viên, sân chơi, bãi tập, khu vệ sinh, nhà xe, hệ thống nước sạch, cảnh quan sư phạm được bảo đảm “Xanh, sạch, đẹp, an toàn”. Các phòng học, phòng chức năng đảm bảo yêu cầu về diện tích để duy trì và đẩy mạnh hoạt động giáo dục cũng như các phong trào một cách toàn diện.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Khuôn viên nhà trường gồm các khu sân chơi, bãi tập, cây xanh; nhằm xây dựng môi trường “xanh, sạch, đẹp, an toàn” nhà trường đã quy hoạch tạo được khuôn viên có cây xanh, môi trường sạch đẹp, thoáng mát, đáp ứng để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

b) Trường có cổng trường gồm cổng chính và cổng phụ, được gắn biển tên biển trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xung quanh trường có hàng rào bao quanh đảm bảo tốt cho việc quản lý học sinh và đảm bảo an ninh trường học [H3-3.1-02].

c) Sân trường gồm có các khu sân chơi và bãi tập. Khu học tập gồm: hồ nhảy xa, sân bóng chuyền, sân cầu lông; phần còn lại là khu để học sinh vui chơi. Khu sân chơi và bãi tập của nhà trường đảm bảo an toàn cho học sinh luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Chưa có bãi tập riêng biệt [H3-3.1-03].

Mức 2

Nhà trường có 980m² diện tích vừa là sân chơi và bãi tập, có các khu để học sinh vui chơi và học tập, đáp ứng tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-03].

Mức 3

Tổng diện tích của nhà trường là 8.254 m². Căn cứ số lượng học hằng năm nhà trường có diện tích trên 10m²/học sinh. Khu sân chơi, bãi tập 980m² chưa đạt 25% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-03];[H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích đạt chuẩn quy định trên 10m²/học sinh, có khuôn viên riêng biệt. Khu sân chơi, bãi tập thoáng mát, thuận lợi cho các hoạt động giáo dục. Môi trường “Xanh, sạch, đẹp, an toàn”.

3. Điểm yếu

Chưa có khu tập luyện riêng biệt, đôi lúc ảnh hưởng đến các lớp khác lúc học sinh tập luyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Quy định khu tập luyện cho học sinh, GVBM thông tin cho học sinh biết để hướng dẫn để không làm ảnh hưởng các lớp khác trong lúc học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 11 phòng học; mỗi phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên; phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát. Đảm bảo quy định Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế. Số phòng học đủ để nhà trường tổ chức cho các lớp học 1 buổi trong ngày [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Nhằm giúp học sinh thực hiện tốt việc học tập “học đi đôi với hành”, trường đã được đầu tư đủ các phòng bộ môn phục vụ cho việc học tập gồm: phòng đa chức năng, phòng Tiếng Anh, phòng thực hành Vật lý, phòng Khoa học tự nhiên, phòng thực hành Hóa học, phòng thực hành Sinh học, phòng thực hành Công nghệ, phòng Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật [H3-3.2-03].

c) Nhà trường có phòng phục vụ cho hoạt động Đoàn, Đội có diện tích 18m² và phòng truyền thống có diện tích 56m², đảm bảo nơi làm việc cho các bộ phận đoàn thể. Ngoài ra, trường còn có phòng thư viện thoáng mát, sạch sẽ, rộng rãi. Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định; Mỗi năm đều được bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05]; [H3-3.2-06].

Mức 2

a) Mỗi phòng học và các phòng bộ môn Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, phòng bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật được xây dựng có diện tích 64m²; riêng phòng Tiếng Anh và phòng thực hành Sinh học, phòng Tin học mỗi phòng có diện tích 120m²; đạt tiêu chuẩn theo quy định và đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-03];[H3-3.2-07].

b) Nhà trường có khối phục vụ học tập gồm: phòng Tiếng Anh, phòng thực hành Vật lý, phòng thực hành Hóa học, phòng thực hành Sinh học, phòng thực hành Công nghệ, phòng Tin học, phòng thiết bị, thư viện, phòng đa chức năng, phòng nghỉ giáo viên, phòng lưu trữ, các phòng bộ môn đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-03].

Mức 3

Các phòng học được bố trí đủ bàn ghế, bàn ghế cho học sinh và giáo viên. Riêng các phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-02];[H3-3.2-03]; [H3-3.2-06]; [H3-3.2-08].

2. Điểm mạnh

Có đủ khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính. Các khối phòng được bố trí hợp lý, thuận tiện cho phục vụ công tác giảng dạy và quản lý.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục khai thác hiệu quả các phòng học và phòng bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị

Mức 1

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính-quản trị.*

Mức 2

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khối phòng hành chính-quản trị, có phòng tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động đội đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu của hoạt động giáo dục [H3-3.3-01]; [H3-3.2-03]; [H3-3.3-02]; [H3-3.2-04].

b) Khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có diện tích 32m², đủ chỗ cho CB-GV-NV để xe khi đến trường; vị trí được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03].

c) Để phục vụ tốt cho các hoạt động hành chính, khối phòng hành chính - quản trị, có các thiết bị như: máy tính, máy in, mạng internet, định kỳ đều được sửa chữa, bổ sung, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động giáo dục nhà trường [H3-3.3-04]; [H3-3.3-05] .

Mức 2

Khối hành chính quản trị nhà trường có: Văn phòng diện tích 28m², phòng Hiệu trưởng 28m², phòng Phó hiệu trưởng 28m², phòng y tế 28m², phòng bảo vệ; các phòng luôn được quét dọn sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, đảm bảo theo quy định [H3-3.3-01]; [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06]; [H3-3.3-07].

Mức 3

Khối hành chính quản trị có đủ các thiết bị như: máy tính, máy in; máy tính được kết nối mạng internet, các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học phục vụ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-06].

2. Điểm mạnh

Có đủ khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính. Các khối phòng được bố trí hợp lý, thuận tiện cho phục vụ công tác giảng dạy và quản lý.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện tốt công tác kiểm tra định kỳ, có kế hoạch sử dụng, sửa chữa, mua sắm các thiết bị cần thiết.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có nhà vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Số lượng bồn cầu, chậu rửa tay đảm bảo phục vụ đủ. Hằng ngày, nhà vệ sinh đều được quét dọn sạch sẽ, đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01].

b) Khuôn viên trường có hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đảm bảo không để ứ đọng xung quanh trường lớp. Có hệ thống thoát nước cho khu vệ sinh. Có nguồn nước sinh hoạt đủ chất lượng đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hằng ngày, đảm bảo đủ nước uống đóng chai cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-03]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

Từ năm học 2021-2022, CB-GV-NV và học sinh sử dụng nước uống từ máy lọc.

c) Nhằm đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường, nhà trường trang cấp cho 11 lớp học, mỗi lớp học 2 thùng chứa rác 120 lít và một số thùng rác phân bố rải rác trong khuôn viên, giúp các lớp thực hiện tốt việc chứa và phân loại rác hằng ngày. Thuê nhân viên phục vụ vệ sinh nhà vệ sinh và tập kết rác đến khu chứa rác, thu gom rác mỗi ngày, đảm bảo trường, lớp luôn sạch sẽ. Hợp đồng xe lấy rác theo quy định [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05]; [H3-3.4-06].

Mức 2

a) Nhà trường có nhà vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Hằng ngày, đều được quét dọn sạch sẽ, đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Nhà vệ sinh được xây dựng có vị trí thuận tiện, phù hợp với cảnh quan trường học [H3-3.1-03].

b) Khuôn viên trường có hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đảm bảo không để ứ đọng xung quanh trường lớp. Có hệ thống thoát nước cho khu vệ sinh. Có nguồn nước sinh hoạt đảm bảo nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Sau mỗi buổi học rác được thu gom và xử lý, đáp ứng quy định tại thông tư số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế [H3-3.1-03]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Vị trí hợp lý, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ. Khuôn viên có hệ thống cống đảm bảo không ứ đọng nước khi mưa và triều cường.

3. Điểm yếu: *Không.*

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện tốt việc phân loại rác, giảm tối đa lượng rác mỗi ngày; tiếp tục thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải theo lịch thu gom.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có các thiết bị văn phòng như máy tính, máy in, máy photo phục vụ cho Ban giám hiệu, các nhân viên và giáo viên làm việc, đảm bảo đủ thiết

bị phục vụ cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-08].

b) Nhà trường có phòng thiết bị riêng, gồm thiết bị dạy học được Ngành trang cấp và nhà trường mua sắm, đảm bảo đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định [H3-3.5-01].

c) Vào cuối mỗi năm học, các thiết văn phòng cũng như thiết bị dạy học đều được kiểm kê để biết tình trạng sử dụng thiết bị, qua đó có kế hoạch sửa chữa thiết bị [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-05].

Mức 2

a) Tất cả các máy tính của nhà trường gồm hệ thống máy tính phòng tin học, máy tính văn phòng đều được kết nối internet, tạo thuận lợi cho nhà trường trong công tác quản lý, nhận thông tin và thực hiện chế độ báo cáo về Phòng GD&ĐT qua hộp thư điện tử, văn bản quản lý điều hành (ICT). Ngoài ra, còn tạo điều kiện cho GV truy cập thông tin phục vụ cho công tác giảng dạy, cũng như hoạt động học tập tin học của học sinh [H3-3.5-04].

b) Phòng thiết bị nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định, cụ thể: thiết bị dạy học lớp 6 có 10 bộ, lớp 7 có 07 bộ, lớp 8 có 5 bộ, lớp 9 có 05 bộ, phòng Vật lý 06 bộ; phòng Hóa học 05 bộ; phòng Sinh học 05 bộ; phòng Công nghệ 07 bộ [H3-3.5-01].

c) Vào đầu mỗi năm học, bộ phận thiết bị đều xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị bổ sung trên cơ sở, nhu cầu bổ sung của các GV bộ môn. Bên cạnh, nhà trường còn phát động trong giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, để chọn ra những đồ dùng dạy học chất lượng tham gia cuộc thi làm đồ dùng dạy học cấp Huyện nhằm bổ sung thêm vào nguồn thiết bị nhà trường [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

Cụ thể:

Năm học 2019-2020 có 22 ĐDDH tự làm, tham gia cấp Huyện 04 ĐDDH.

Năm học 2020-2021 có 22 ĐDDH tự làm, tham gia cấp Huyện 03 ĐDDH.

Năm học 2021-2022 có 22 ĐDDH tự làm, cấp Huyện không tổ chức.

Năm học 2022-2023 có 20 ĐDDH tự làm, cấp Huyện không tổ chức.

Năm học 2023-2024 có 16 ĐDDH tự làm, cấp Huyện không tổ chức.

Mức 3

Các thiết bị dạy học được Ngành trang cấp và nhà trường mua sắm, cùng các thiết bị dạy học tự làm được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng phục vụ cho các hoạt động của nhà trường. Có phòng thiết bị, đủ thiết bị dạy học theo quy định, đảm bảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập .

3. Điểm yếu

Một số ĐDDH tự làm của giáo viên, chủ yếu là tranh vẽ có chất lượng chưa cao, nên đa số ĐDDH tự làm khi sử dụng không được lâu dài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 tiếp tục áp dụng tiêu chí đánh giá ĐDDH tự làm của giáo viên. Nhà trường thành lập tổ đánh giá chất lượng ĐDDH tự làm, công nhận ĐDDH đạt chất lượng, trước khi giáo viên đem sử dụng, nhằm phát huy tác dụng của ĐDDH khi giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có phòng thư viện diện tích 96m², được trang bị đầy đủ phương tiện và CSVC. Thư viện có 01 phòng đọc sách cho GV và HS thoáng mát,

sách sẽ. 01 kho sách và các kệ tủ chứa sách Bác Hồ, sách pháp luật, sách đạo đức, sách kỹ năng sống,... Có 08 máy tính được kết nối mạng, 01 máy in phục vụ. Năm học 2018-2019 thư viện được trang bị phần mềm quản lý, đến thời điểm đánh giá thư viện có 24.012 bản sách, đảm bảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Thư viện có lịch hoạt động cụ thể, mở cửa các ngày trong tuần cho giáo viên và học sinh mượn trả sách. Ngoài ra, thư viện còn thực hiện các hoạt động như trưng bày giới thiệu sách, thi kể chuyện,... Hoạt động thư viện đảm bảo đáp ứng nhu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB-GV-NV và HS [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Để đáp ứng nhu cầu sách báo, phục vụ cho CB-GV-NV và HS nghiên cứu và học tập. Cuối mỗi năm học thư viện đều thực hiện công tác kiểm kê [H3-3.6-04], đồng thời mua bổ sung sách, báo, tài liệu tham khảo,... Cụ thể: hằng năm vận động 30.000đ/1GV ủng hộ kinh phí, cùng nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục của đơn vị mua bổ sung sách báo thư viện [H3-3.6-05]. Số lượng sách, báo bổ sung từ năm 2017 đến 2024 là 10.182 bản.

Mức 2

Hằng năm, thư viện trường đều thực hiện tốt công tác tự đánh giá và đề nghị công nhận danh hiệu. Căn cứ các chuẩn quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. Nhà trường đề nghị và đều được kiểm tra, công nhận thư viện đạt chuẩn trở lên [H3-3.6-06]. Cụ thể thư viện được công nhận qua các năm:

Năm học 2019-2020: đạt thư viện tiên tiến.

Năm học 2020-2021: đạt thư viện tiên tiến.

Năm học 2021-2022: đạt thư viện xuất sắc.

Thực hiện Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2022 Ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Năm học 2022-2023: Thư viện đạt Mức 1.

Năm học 2023-2024: Thư viện đạt Mức 1.

Mức 3

Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-04].

2. Điểm mạnh

Mỗi năm thư viện đều có bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu cho giáo viên và học sinh. Hệ thống máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu cho hoạt động thư viện.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhân viên thư viện căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, tham mưu hiệu trưởng trong xây dựng kế hoạch, thực hiện đạt Mức 2.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường đã được các cấp quản lý quan tâm và đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị để phục vụ tốt cho công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

Thư viện thoáng mát, có đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, tham khảo, nghiệp vụ, tài liệu và sách pháp luật,... phục vụ học sinh và giáo viên.

Thiết bị dạy học được cung cấp đầy đủ và bổ sung, sửa chữa kịp thời.

Phòng thư viện số lượng máy tính dành để phục vụ cho HS còn hạn chế.

Số lượng đạt mức 1: 6/6 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 2: 6/6 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 3: 5/5 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Trong những năm học qua, nhà trường đã có mối quan hệ tốt giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh. Nhà trường phổ biến Điều lệ hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ GD&ĐT ban hành và quy chế hoạt động của Ban đại diện CMHS đến toàn thể PHHS, CB-GV-NV nhà trường. Phối hợp có hiệu quả với CMHS để nâng cao chất lượng giáo dục và giải quyết các kiến nghị của phụ huynh học sinh theo thẩm quyền và nhiệm vụ của nhà trường. Nhà trường còn phối kết hợp hoạt động với các ban ngành, đoàn thể, các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Đầu mỗi năm học, nhà trường tiến hành Hội nghị CMHS lớp, bầu ra Ban đại diện CMHS, số lượng gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên [H4-4.1-01]. Sau Hội nghị CMHS lớp, nhà trường tổ chức Hội nghị CMHS trường, bầu ra Ban đại diện CMHS trường. Ban đại diện CMHS trường họp phiên đầu tiên để bầu ra Ban thường trực gồm: 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký và các ủy viên [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]. Ban đại diện CMHS lớp, trường hoạt động theo quy chế và thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, BDD cha mẹ học sinh trường thực hiện điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, sau khi được bầu chọn đều xây dựng quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động cho năm học [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Định kỳ mỗi năm nhà trường phối hợp với Ban đại diện CMHS tổ chức họp CMHS ít nhất 3 lần trong năm học. Qua các lần họp Ban đại diện CMHS đã giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, đề ra các biện pháp giáo dục học sinh, đánh giá hoạt động của Ban đại diện CMHS, nhằm đảm bảo cho Ban đại diện CMHS thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ [H4-4.1-06]. Tuy nhiên, vẫn còn một số CMHS chưa tham gia đầy đủ các cuộc họp.

Mức 2

Định kỳ trong mỗi năm học Ban ĐDCMHS phối hợp với nhà trường tổ chức các cuộc họp. Qua các lần họp Ban đại diện CMHS đã phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, giáo dục đạo đức học sinh, tuyên truyền tham

gia BHYT, tham gia các câu lạc bộ pháp luật, chấp hành ATGT, phối hợp huy động học sinh đến trường, vận động kịp thời học sinh bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3

Ban đại diện CMHS trong những năm qua đã phối hợp với nhà trường rất nhiều hoạt động giáo dục hiệu quả như: giáo dục đạo đức học sinh, hỗ trợ thi học sinh giỏi cấp Huyện, Tỉnh, thi HKPĐ, giáo dục chấp hành ATGT, vận động HS bỏ học ra lớp,... Qua 5 năm nhà trường không có HS vi phạm bị hình thức kỷ luật, số học sinh bỏ học hằng năm dưới 1%, không có HS vi phạm ATGT, có HS đạt HSG Huyện, Tỉnh, chất lượng 2 mặt giáo dục ổn định hằng năm [H4-4.1-06].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định.

Ban đại diện CMHS phối hợp tốt với nhà trường trong việc vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, đảm bảo công tác duy trì sĩ số hằng năm.

3. Điểm yếu

Một số thành viên Ban đại diện CMHS do bận việc gia đình nên chưa tham dự đầy đủ các cuộc họp trong năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Vào đầu mỗi năm học, trước các cuộc họp CMHS đầu năm, nhà trường cần trao đổi định hướng GVCN trong việc bầu chọn Ban đại diện CMHS lớp, trường. Lưu ý: giữ lại những CMHS có điều kiện, nhiệt tình tham gia Ban đại diện CMHS của năm trước, đồng thời lựa chọn đề cử bổ sung những CMHS nhiệt tình có tinh thần trong công tác xã hội, đề cử tham gia vào Ban đại diện CMHS lớp, trường. Giúp cho Ban đại diện CMHS lớp, trường hoạt động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương;

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhằm để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và phát triển nhà trường. Hằng tháng, thông qua họp giao ban tại Đảng ủy, UBND xã, họp Chi bộ, Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]. Các hoạt động giáo dục được thực hiện thông qua kế hoạch năm học, kế hoạch hoạt động hàng tháng, kế hoạch tuần.

b) Để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, Nhà trường đã lập kế hoạch phối hợp các tổ chức đoàn thể [H4-4.2-03] và tổ chức tuyên truyền mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường cho đội ngũ CB-GV-NV, CMHS thông qua các hoạt động đoàn thể và các cuộc họp như: Hội nghị VC [H1-1.9-01], họp HĐSP [H1-1.1-03], họp CMHS [H4-4.1-06],... với các chủ trương như: chế độ chính sách, quy định mức đóng, miễn giảm học phí, quy định tham gia BHYT, chấp hành ATGT, các chỉ tiêu kế hoạch năm học,...

c) Hằng năm, nhà trường đều được các tổ chức, cá nhân ủng hộ cho nhà trường và học sinh các nguồn như: học bổng, tập, quà trung thu, xe đạp,... Học sinh nhận trực tiếp từ các nhà tài trợ. Các nguồn ủng hộ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân cho việc khen thưởng học sinh học đạt danh hiệu và hỗ trợ học sinh có

hoàn cảnh khó khăn, được sử dụng đảm bảo đúng quy định [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05].

Mức 2

a) Căn cứ Nghị quyết của Đảng ủy, kế hoạch của UBND, Chi bộ, Nhà trường hằng năm xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình phát triển của địa phương. Đồng thời, tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện kế hoạch đạt kết quả. Vào cuối mỗi năm học, nhà trường đều thực hiện báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả đạt được của từng năm học [H1-1.8-01]; [H4-4.2-06].

b) Hằng năm, nhà trường và các tổ chức, đoàn thể đã phối hợp tốt trong công tác giáo dục học sinh. Cụ thể: Đội Thiếu niên và Đoàn Thanh niên đã tổ chức cho HS tham quan về nguồn giáo dục truyền thống lịch sử địa phương như: Bia tưởng niệm nghĩa sĩ Cần Giuộc; khu Di tích khảo cổ học Rạch Núi; khu Di tích lịch sử Cầu Tre xã Phước Vĩnh Đông. Đăng ký chăm sóc và viếng nhà che bia liệt sĩ vào dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ (27/7) và xuân về; nhà trường và các đoàn thể phối hợp thăm viếng Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Tần (ấp Thạnh Trung) dịp xuân về [H4-4.2-07]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-15]; [H1-1.3-16].

Mức 3

Hằng năm, nhà trường đều đăng ký xây dựng nhà trường văn hóa, đồng thời tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, trong và ngoài nhà trường trong công tác tuyên truyền và xây dựng nhà trường có môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Cuối năm, được đánh giá và công nhận danh hiệu đơn vị văn hóa. Tuy nhiên, nhà trường vẫn chưa đủ điều kiện để trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ và phát triển nhà trường. Thực hiện tốt công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng văn hóa cho học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn chưa đủ điều kiện để trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì đạt danh hiệu đơn vị văn hóa. Tiếp tục tham mưu tốt với Đảng ủy, chính quyền địa phương và phối hợp các tổ chức cá nhân, tổ chức các hoạt động giáo dục thu hút các lực lượng xã hội tham gia và xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hằng năm được thành lập và hoạt động đảm bảo theo quy định tại điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011).

Nhà trường đảm bảo công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ và phát triển nhà trường. Thực hiện tốt công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng văn hóa cho học sinh.

Huy động các nguồn lực ủng hộ của các tổ chức, cá nhân, để sửa chữa, bổ sung CSVC nhà trường.

Nhà trường vẫn chưa đủ điều kiện để trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng đạt mức 1: 2/2 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 2: 2/2 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 3: 1/2 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Chất lượng giáo dục là kết quả của hoạt động giáo dục. Chính vì thế, trong những năm qua, trường luôn chú trọng việc thực hiện các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Ngay từ mỗi đầu năm học, hiệu trưởng đã chỉ đạo các tổ chuyên môn quán triệt lại các văn bản chuyên môn của BGDĐT, SGDĐT và PGDĐT ban hành; mỗi giáo viên tự lập kế hoạch giáo dục và kế hoạch bộ môn cho phù hợp với từng lớp mình phụ trách. Trong Hội nghị VC, các thành viên trong HĐSP đã thảo luận các chỉ tiêu cơ bản, đồng thời bàn biện pháp thực hiện để đạt được chỉ tiêu đã thống nhất.

Bộ phận chuyên môn của trường có kế hoạch chỉ đạo thống nhất chung cho các tổ chuyên môn thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, kết quả học tập của học sinh được đánh giá cụ thể qua các bài kiểm tra định kì, kiểm tra học kì. CBQL và tổ chuyên môn trường thường xuyên rút kinh nghiệm những thiếu sót trong giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh để kịp thời điều chỉnh.

Trường luôn chú trọng việc thành lập các đội tuyển HSG văn hóa cấp trường và phân công giáo viên có kinh nghiệm để bồi dưỡng. Bên cạnh đó, trường còn tổ chức dạy phụ đạo cho học sinh yếu, nhằm nâng cao chất lượng học tập cho các em.

Trường cũng luôn quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho học sinh. Bằng các biện pháp phối kết hợp giữa nhà trường với CMHS, cùng chính quyền địa phương thông qua lực lượng nòng cốt là GVCN, GVBM, Ban đại diện CMHS, tổ chức Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên và các đoàn thể xã hội,... Từ đó góp phần nâng cao kết quả rèn luyện của học sinh.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Mỗi đầu năm học, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp quản lý, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học. Qua đó, tổ chức dạy học đúng theo kế hoạch giảng dạy, đảm bảo đúng, đủ các

môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.7-03].

b) Trong quá trình giảng dạy các giáo viên đã sử dụng hợp lý sách giáo khoa; liên hệ thực tế khi dạy học, dạy học tích hợp; thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy. Bên cạnh việc ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin trong dạy học, đảm bảo phù hợp cho các đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Thông qua các nội dung chuẩn bị cho bài học tiếp theo, giáo viên đã giúp cho học sinh biết cách tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-01]; [H1-1.8-02].

c) Nhằm đảm bảo tính khách quan và hiệu quả trong kiểm tra đối với học sinh, giáo viên đã thực hiện các hình thức kiểm tra học sinh theo hướng dẫn của Thông tư 58/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2011 gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và bằng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá như: tự luận, tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan, giải bài tập, kỹ năng thực hành, kiểm tra học sinh bằng nhiều mã đề,... Riêng năm học 2021-2022 HS khối 6, năm học 2022-2023 học sinh khối 6, 7, năm học 2023-2024 học sinh khối 6, 7, 8 thực hiện kiểm tra theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021; các khối lớp còn lại thực hiện theo Thông tư 58/TT-BGDĐT ngày 12/12//2011 và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 20/8/2022. Trước khi kiểm tra, các đề kiểm tra đều được TTCM và HT ký duyệt [H5-5.1-02].

Mức 2

a) Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục của Sở GD&ĐT, và Phòng GD&ĐT huyện Cần Giuộc, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học. Qua đó, PHT xây dựng kế hoạch hoạt động, triển khai đến từng tổ chuyên môn. Trong đó, chú trọng việc giảng dạy đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy phù hợp với các đối tượng. Cụ thể, nhà trường chỉ đạo GVBM, GVCN rà soát xác định số lượng HSG, HS yếu kém trong từng lớp và có kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu kém, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01]. Trường không có HS khuyết tật.

b) Trường tổ chức ôn tập cho học sinh vào đầu năm, xác định số lượng HSG, học sinh yếu-kém. Qua đó, nhà trường chọn ra những HSG, phát hiện kịp thời những HS yếu kém trong học tập, rèn luyện. Tiến hành tổ chức bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu kém, giúp học sinh tiến bộ trong học tập, số lượng HSG văn hóa

đã được cải thiện. Tuy nhiên, vẫn còn học sinh chưa ý thức tham gia phụ đạo đầy đủ [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05]; [H5-5.1-06].

Mức 3

Căn cứ kết quả các bài kiểm tra, báo cáo chuyên môn tháng, học kỳ, năm học nhà trường tiến hành đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Cụ thể: qua kết quả các bài kiểm tra, GVBM có biện pháp phụ đạo kịp thời những HS có điểm số thấp, kiểm tra cải thiện điểm, nhằm cải thiện chất lượng dạy học kịp thời [H5-5.1-07]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10]. Tuy nhiên, vẫn còn học sinh có học lực xếp loại yếu, chất lượng học tập của học sinh chưa ổn định qua các năm.

2. Điểm mạnh

Tổ chức dạy học đảm bảo đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Thực hiện được việc phân loại học sinh hằng năm. Tổ chức tốt việc bồi dưỡng HSG và phụ đạo học sinh yếu kém.

3. Điểm yếu

Vẫn còn học sinh có học lực xếp loại yếu, chất lượng học tập của học sinh chưa ổn định qua các năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo; lãnh đạo nhà trường tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức học tập trong học sinh. Thực hiện tốt công tác phụ đạo học sinh yếu. Thực hiện tốt công tác phối hợp với CMHS trong việc quản lý, kiểm tra việc học tập ở nhà của các em học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhằm giúp học sinh giỏi phát huy năng khiếu học tập và giúp những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hằng năm, nhà trường đều rà soát HS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, HS năng khiếu, HS khó khăn trong học tập và rèn luyện thông qua TPT Đội, GVBM, GVCN. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HSG, học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh yếu kém [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

b) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện công việc chọn học sinh giỏi và tổ chức bồi dưỡng cho học sinh ngay từ đầu năm học. Đồng thời, qua kết quả học tập của học sinh và nhận xét của giáo viên, nhà trường tiến hành rà soát lập danh sách học sinh yếu kém, tổ chức phụ đạo cho các em, giúp các em vươn lên trong học tập [H1-1.8-03]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

c) Cuối mỗi học kỳ nhà trường đều thực hiện việc rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh trong đó HS có hoàn cảnh khó khăn cụ thể là các học sinh gia đình thuộc diện hộ nghèo, học sinh có năng khiếu cụ thể là học sinh giỏi, học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện cụ thể là học sinh yếu kém. Qua đó, bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo, tìm ra giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng và cải thiện kết quả học tập cho học sinh. Kết quả được đánh giá thông qua hoạt động chủ nhiệm và báo cáo của bộ phận chuyên môn [H1-1.5-02]; [H1-1.4-07].

Mức 2

Thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém. Qua mỗi năm học số lượng học sinh có hoàn cảnh

khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch [H1-1.5-01]; [H1-1.4-07]. Cụ thể:

Năm học	HS có hoàn cảnh khó khăn, đạt mục tiêu giáo dục		HS năng khiếu, đạt mục tiêu giáo dục	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2019-2020	17/17	100,0%	140/483	28,99%
2020-2022	17/17	100,0%	187/465	40,22%
2021-2022	21/21	100,0%	183/457	40,04%
2022-2023	36/36	100,0%	190/451	41,13%
2023-2024	37/37	100,0%	225/461	48,81%

Mức 3

Hàng năm, trường đều tham gia đầy đủ các cuộc thi học sinh giỏi văn hóa, Hội khỏe Phù Đổng. Kết quả hàng năm nhà trường đều có học sinh giỏi văn hóa cấp Huyện, Tỉnh và học sinh đạt huy chương Hội khỏe Phù Đổng [H2-2.4-06]; [H2-2.4-05]; [H2-2.4-07]. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh nên cuộc thi HSG văn hóa cấp Tỉnh các năm học 2019-2020, 2020-2021 không tổ chức và HKPĐ từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022 cũng không tổ chức.

Cụ thể:

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	HSG cấp Huyện	6	15	13	7	5
2	HSG cấp Tỉnh	0	0	2	4	1
3	Huy chương HKPĐ cấp Huyện	-	-	-	9	8

2. Điểm mạnh

Tổ chức ôn tập đầu năm và biết được các đối tượng học sinh ở các lớp. Phân loại được học sinh có học lực yếu, kém và có biện pháp giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập (tổ chức các lớp phụ đạo, học tự chọn).

Tổ chức bồi dưỡng cho học sinh giỏi và có học sinh giỏi văn hóa cấp Huyện, Tỉnh.

3. Điểm yếu

Một số học sinh yếu kém chưa nhận thức tốt việc học tập, nên tham gia phụ đạo chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo, tiếp tục tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm giáo dục ý thức học tập của học sinh, giúp học sinh thấy được sự cần thiết của việc học phụ đạo.

GVCN giáo dục ý thức học tập cho những HS phải tham gia phụ đạo, hiểu rõ và không mặc cảm, học phụ đạo nhằm để lấy lại kiến thức cơ bản, nhắc học sinh giờ giấc học phụ đạo vào những ngày có tiết. Vào đầu mỗi tiết phụ đạo, giáo viên bộ môn kiểm diện, ghi nhận. Trao đổi kịp thời cha mẹ học sinh, giúp các em tham gia đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã chỉ đạo các giáo viên thực hiện nội dung giáo dục địa phương, đảm bảo nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện đúng theo kế hoạch [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

b) Trong giảng dạy nội dung giáo dục địa phương, giáo viên đã thực hiện nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo khách quan và hiệu quả như đưa nội dung giáo dục địa phương vào các bài kiểm tra, thảo luận, thực hiện phiếu học tập [H5-5.1-01]; [H5-5.3-01].

c) Công tác rà soát, đánh giá nội dung giáo dục địa phương luôn được giáo

viên quan tâm. Hằng năm, đều có cập nhật tài liệu, nội dung giáo dục địa phương. Riêng học sinh lớp 6, 7, 8 có nội dung chương trình giáo dục địa phương được áp dụng giảng dạy trong năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 [H5-5-3-02]. Nội dung giáo dục phù hợp đến thời điểm, nên chưa có ý kiến đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương được nhà trường tổ chức thực hiện cho các môn học dựa trên các tài liệu được biên soạn gắn liền với địa phương tỉnh Long An, huyện Cần Giuộc, xã Phước Vĩnh Đông. Nội dung gồm tài liệu Giáo dục giáo dục địa phương do Sở GD&ĐT biên soạn, Tài liệu đĩa 155 năm hình thành và phát triển huyện Cần Giuộc, tiểu sử liệt sĩ Nguyễn Thái Bình, truyền thống xã Phước Vĩnh Đông. Nhà trường đã triển khai cho giáo viên soạn giảng dựa trên các nội dung đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nội dung giáo dục địa phương được giáo viên giảng dạy đúng theo quy định.

Thực hiện được các biện pháp kiểm tra, đánh giá gắn nội dung bài học với thực tiễn địa phương.

3. Điểm yếu

Nội dung giáo dục địa phương khối 9 đưa vào đề kiểm tra thường xuyên và định kỳ các môn học chưa nhiều. Do nội dung chương trình giáo dục địa phương vào thời điểm kiểm tra ít nên lượng kiến thức đưa vào bài kiểm tra còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2024-2025 tiếp tục lưu ý giáo viên các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý chọn nội dung giáo dục địa phương đưa vào các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ cho phù hợp. Trong năm học thực hiện công tác kiểm tra, lưu ý dự giờ các tiết dạy có giáo dục địa phương, nhằm thực hiện tốt công tác đánh giá, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, TPT Đội có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh [H5-5.4-01]. Bên cạnh, nhằm định hướng giúp học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đều có cơ hội học tập, nhà trường có kế hoạch và tổ chức giảng dạy hướng nghiệp cho HS khối 9 đúng theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-02]; [H5-5.4-06].

b) Hằng năm, nhà trường tổ chức được các hoạt động hướng nghiệp học sinh theo kế hoạch, phối hợp mời trường Cao đẳng Long An-Cơ sở Cần Giuộc, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè đến tư vấn nghề cho HS, lấy ý kiến học sinh và CMHS lớp 9 các năm học từ 2019-2020 đến 2023-2024 trong việc chọn trường, chọn nghề [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04]; [H5-5.4-05]. Tuy nhiên, hằng năm vẫn còn một số HS sau TN.THCS không thi tuyển sinh 10 và thi rút tuyển sinh 10 không tham gia học nghề, đã ảnh hưởng đến tỉ lệ phân luồng HS sau TN.THCS.

c) Thực hiện kế hoạch hướng nghiệp, phân luồng học sinh, nhà trường đã huy động các GVCN lớp 9, giáo viên chuyên trách phổ cập tham gia công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau TN.THCS trong các cuộc họp CMHS [H4-4.1-06]. Phân công giáo viên dạy tiết sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 theo phân phối chương trình [H1-1.7-03]. Ngoài ra, các năm học 2019-2020; 2022-2023; 2023-2024 nhà trường đã liên hệ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè mỗi năm tổ chức cho học sinh và CB-GV-NV tham quan thực tế Trung tâm. Năm học 2020-2021, 2021-2022 trường không tổ chức do tình hình dịch bệnh. Năm học 2023-2024 nhà trường đã phối hợp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè, Trường Cao đẳng Long An-Cơ sở Cần Giuộc tổ chức 2 lượt với 86 học sinh và 10 CBQL-GV

tham quan cơ sở [H5-5.4-06].

Mức 2

a) Hằng năm, nhà trường đều phân công giáo viên thực hiện đủ tiết sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh lớp 9; thực hiện phối hợp với trường nghề Cần Giuộc, Nhà Bè tổ chức tư vấn nghề cho các em học sinh, tham quan học tập trải nghiệm [H5-5.4-01]; [H5-5.4-06]. Qua đó, định hướng giúp những học sinh biết lựa chọn nghề phù hợp với khả năng của mình. Qua các năm trường đều có học sinh tham gia học nghề, tốt nghiệp và có việc làm, đạt kết quả thiết thực [H5-5.4-07].

b) Nhằm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, cuối học kỳ II nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kết quả phân luồng học sinh, nhằm biết mức độ đạt để tiếp tục thực hiện và tham mưu chính quyền địa phương hỗ trợ để kế hoạch hướng nghiệp đạt kết quả [H5-5.4-05]; [H5-5.4-08].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, có kế hoạch và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

Thực hiện tốt công tác phối hợp với các trường nghề trong việc tư vấn nghề cho học sinh.

3. Điểm yếu

Hằng năm, vẫn còn một số HS sau TN.THCS không thi tuyển sinh 10 và thi rút tuyển sinh 10 không tham gia học nghề, đã ảnh hưởng đến tỉ lệ phân luồng HS sau TN.THCS. Do CMHS muốn HS tham gia lao động ngay sau TN.THCS để có nguồn kinh tế cho gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm thực hiện tốt công tác phân luồng, đánh giá chính xác sức học cùng điều kiện học sinh để tư vấn HS và CMHS việc chọn trường, chọn nghề phù hợp khả năng, Nhà trường tiến hành tư vấn học sinh, cha mẹ học sinh, xác định những học sinh không thi và không học nghề sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Tham mưu chính quyền địa phương vận động hỗ trợ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhằm giúp học sinh hình thành và phát triển các kỹ năng sống, nhà trường đã xây dựng các kế hoạch giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh như: Kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thực hành xã hội thông qua các môn học, các chuyên đề; hoạt động trải nghiệm sáng tạo; các trò chơi dân gian trong các dịp Lễ hội (khai giảng năm học, Tết trung thu);... phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Năm học 2023-2024 nhà trường đưa nội dung bơi vào giảng dạy thể thao tự chọn [H5-5.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.10-04].

b) Trong 5 năm từ 2019 đến 2024, thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể, GDNGLL, học sinh đã tích lũy được kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật như: Kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục; kỹ năng phòng chống đuối nước; kỹ năng giao tiếp; sức khỏe sinh sản vị thành niên; kiến thức phòng tránh các bệnh thường gặp; phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường;... Bên cạnh, vào đầu tháng 9 mỗi năm học nhà trường còn phối hợp Công an xã tuyên truyền pháp luật kiến thức ATGT cho học sinh. Ngoài ra TPT Đội còn tổ chức phối hợp giáo dục truyền thống lịch sử quê hương Phước Vĩnh Đông

qua thi tìm hiểu lịch sử địa phương, viếng khu di tích lịch sử Cầu Tre, chăm sóc bia liệt sĩ xã. Qua đó khơi dậy ở HS lòng biết ơn gia đình chính sách, mẹ VNAH và được HS thể hiện qua hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm viếng mẹ VNAH vào dịp 27/7 và dịp tết [H1-1.3-10]; [H2-2.4-04]; [H2-2.4-01]. Qua quá trình rèn luyện tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, HS đã có chuyển biến tích cực.

c) Nhà trường đã tổ chức giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành pháp luật như: đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy, thể hiện được văn hóa khi tham gia giao thông, thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, kỹ năng phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, thực hiện nội quy nhà trường,... đã giúp học sinh từng bước hình thành đạo đức lối sống phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc. Cụ thể: kết quả rèn luyện đạo đức của HS có chuyển biến tích cực qua các năm đạt từ trung bình trở lên với tỉ lệ từ 99,00% đến 100% [H1-1.5-02]; [H2-2.4-04].

Mức 2

a) Trường tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể, GDNGLL cụ thể: trong các tiết học các học sinh biết nhận xét đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá mình. Trong thi đua, trong sinh hoạt lớp mỗi tuần, các học sinh ghi nhận tự đánh giá bản thân và giữa các học sinh với nhau về học tập và hạnh kiểm. Qua đó, giúp học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của mình [H5-5.5-02]; [H1-1.5-02].

b) Thông qua từng môn học, học sinh được GV hướng dẫn kiến thức và những ứng dụng kiến thức vào trong thực tế. Nhờ đó mà khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS từng bước được hình thành và phát triển [H5-5.5-02].

Mức 3

Hằng năm, nhà trường có xây dựng và triển khai cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học cơ sở, phân công giáo viên hướng dẫn. Các năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 tham gia thi sáng tạo KHKT dành cho thanh thiếu niên đã có sản phẩm đạt giải [H5-5.5-03]; [H5-5.5-04].

2. Điểm mạnh

Có các kế hoạch và tổ chức được các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Học sinh thể hiện tốt việc chấp hành nội quy nhà trường, hằng năm tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá-tốt cao từ 99% trở lên.

3. Điểm yếu

Các sản phẩm tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật chưa đạt kết quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thông qua giáo viên bộ môn, giới thiệu chọn những học sinh khá-giỏi của các môn học. Tổ chức triển khai kế hoạch, gợi ý một số đề tài gần gũi cuộc sống; phân công nhóm giáo viên hướng dẫn giúp học sinh tìm và nêu ý tưởng; giáo viên góp ý, khi chọn được nội dung thì tổ chức thực hiện và hướng dẫn hoàn thành và hoàn thiện sản phẩm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh hằng năm đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và đạt yêu cầu theo quy định trường chuẩn quốc gia. Cụ thể: từ năm học 2019-2020 đến 2023-2024 học sinh có học lực trung bình trở lên từ 99,14% đến 100%. Học sinh có hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt 100% theo yêu cầu kế hoạch của nhà trường đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.1-07].

b) Trong 5 năm từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt từ 99,14% đến 100%; tỉ lệ tốt nghiệp THCS hằng năm đạt 100% đạt yêu cầu theo kế hoạch nhà trường đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01].

c) Hằng năm, công tác định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp luôn được địa phương và nhà trường quan tâm. Nhà trường định hướng phân luồng HS thông qua việc cho GVCN lấy ý kiến HS và CMHS bằng phiếu, trong họp CMHS giữa HKII và cuối năm học. BGH trực tiếp tư vấn chọn trường chọn nghề cho HS. Nhà trường phối hợp với Trường Cao đẳng Long An-Cơ sở Cần Giuộc, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè đến tư vấn nghề cho các em HS. Mỗi năm học trường phối hợp Trung tâm giáo dục hướng nghiệp dạy nghề Nhà Bè, Trường Cao đẳng Long An tổ chức cho HS tham quan cơ sở vật chất của trung tâm và tư vấn nghề cho học sinh. Riêng năm 2020-2021, 2021-2022 không tổ chức do tình hình dịch bệnh. Kết quả phân luồng học sinh các năm đều đạt yêu cầu kế hoạch nhà trường đề ra [H5-5.4-08].

Mức 2

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024. Các năm học 2019-2020 đến 2023-2024 kết quả học lực, hạnh kiểm có chuyển biến tích cực. Cụ thể: từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, học sinh có học lực từ trung bình trở lên đạt từ 99,14% đến 100%. Riêng năm học 2021-2022 đạt 100%, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Về hạnh kiểm, học sinh có hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt 100% [H5-5.1-07]; [H1-1.5-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá. Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến 2023-2024 tỷ lệ HS lên lớp thẳng đạt từ 99,14% đến 100%, HS lên lớp sau thi lại, rèn luyện trong hè đạt từ 99,2% đến 100% [H5-5.1-07]; [H1-1.5-01]. Tỷ lệ TN.THCS đều giữ vững và đạt tỷ lệ 100% [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]. Tỷ lệ học sinh yếu kém từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 đã có chuyển biến qua từng năm.

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh qua 5 năm:

* Về hạnh kiểm:

Năm học	Tỷ lệ hạnh kiểm học sinh qua các năm		
	Khá, tốt	Trung bình (Đạt)	Yếu (CĐ)
2019-2020	99,79%	0	0,21%

2020-2021	100%	0	0
2021-2022	100%	0	0
2022-2023	100%	0	0
2023-2024	100%	0	0

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường qua 5 năm đạt từ 99,79% đến 100% đạt trên 90% theo quy định đối với trường trung học cơ sở [H5-5.1-07]; [H2-2.4-04].

* Về học lực:

Năm học	Tỷ lệ học lực học sinh qua các năm			
	Giỏi (Tốt)	Khá	Trung bình (Đạt)	Yếu, kém (Chưa đạt)
2019-2020	28,99	39,34	30,85	0,83
2020-2021	40,22	35,70	23,23	0,86
2021-2022	40,04	37,20	22,76	0
2022-2023	47,23	35,25	17,29	0,22
2023-2024	48,81	33,41	17,58	0,2

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi qua 5 năm đạt từ 28,99% đến 48,81%, đạt trên 5% theo quy định đối với trường THCS thuộc vùng khó khăn [H1-1.5-01]; [H5-5.1-07].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá qua 5 năm đạt từ 33,41% đến 39,34%, đạt trên 30% theo quy định đối với trường THCS thuộc vùng khó khăn [H1-1.5-01]; [H5-5.1-07].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém (chưa đạt) qua 5 năm đạt từ 0% đến 0,86%, không quá 10% theo quy định đối với trường THCS thuộc vùng khó khăn [H1-1.5-01]; [H5-5.1-07].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban qua 5 năm:

Năm học	Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học qua các năm	
	Bỏ học	Lưu ban
2019-2020	0,61%	0%
2020-2021	0,21%	0,21%
2021-2022	0,21%	0%
2022-2023	0%	0,22%
2023-2024	0%	0%

Qua 5 năm liên từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, tỉ lệ học sinh bỏ học của trường qua các năm từ 0,2% đến 0,61% không quá 3% theo quy định đối với vùng khó khăn [H5-5.6-03]; [H5-5.6-04]; [H5-5.6-05]. Do điều kiện là vùng khó khăn nên hằng năm vẫn còn HS bỏ học và không ổn định, luôn biến động qua từng năm.

Tỉ lệ học sinh lưu ban qua 5 năm từ 0% đến 0,22%, không quá 5% theo quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực, hạnh kiểm, bỏ học, lưu ban hằng năm đều đạt tỉ lệ quy định theo quy định của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

3. Điểm yếu

Do điều kiện là vùng khó khăn nên hằng năm vẫn còn HS bỏ học và không ổn định, luôn biến động qua từng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tiếp tục tăng cường chỉ đạo GVCN thực hiện tốt công tác phối hợp với CMHS đối với những học sinh thường xuyên nghỉ học không phép.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra chuyên cần học sinh hàng ngày.

Thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban đại diện CMHS, ngành, đoàn thể trong việc vận động học sinh bỏ học trở lại lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trường có xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần.

Thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học, có kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định.

Hàng tháng, có rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập qua việc kiểm tra hồ sơ sổ sách, kiểm tra đột xuất, dự giờ thăm lớp,...

Giáo viên thực hiện tốt đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh.

Có phân loại học sinh học lực yếu, kém và có biện pháp giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập

Tổ chức các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, học tự chọn, phụ đạo học sinh yếu.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh.

Số lượng đạt mức 1: 6/6 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 2: 6/6 tiêu chí;

Số lượng đạt mức 3: 3/4 tiêu chí.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông, giúp xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của cơ sở giáo dục phổ thông. Qua đó, biết để nâng cao chất lượng giáo dục; đồng thời thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của cơ sở giáo dục. Trường THCS Phước Vĩnh Đông tổ chức tự đánh giá chất lượng giáo dục và có những điểm mạnh cùng hạn chế sau:

1. Những điểm mạnh

Nhà trường có tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn có tinh thần trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao. Xây dựng được môi trường học tập "xanh, sạch, an toàn". Qua các cuộc vận động cán bộ, giáo viên, học sinh thực hiện tốt về tác phong, lối sống, phong cách làm việc, không vi phạm đạo đức nhà giáo và các tệ nạn xã hội, góp phần thi đua dạy tốt học tốt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Hàng năm đều có học sinh giỏi, tỉ lệ học sinh yếu kém không quá tỉ lệ quy định; tỉ lệ học sinh bỏ học dưới 1%.

2. Hạn chế:

Hàng năm vẫn còn HS bỏ học và không ổn định, luôn biến động qua từng năm.

3. Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt mức 1, mức 2, mức 3

- Số lượng không đạt mức 1: 0/28 tiêu chí. Tỉ lệ: 0,0%

- Số lượng đạt mức 1: 28/28 tiêu chí. Tỉ lệ: 100%

- Số lượng đạt mức 2: 28/28 tiêu chí. Tỷ lệ: 100%
- Số lượng đạt mức 3: 15/20 tiêu chí. Tỷ lệ: 75%
- 4. Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4;
- Số lượng đạt mức 4: 0/6 tiêu chí. Tỷ lệ: 0%
- Số lượng không đạt mức 4: 6/6 tiêu chí. Tỷ lệ: 100%
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Đạt mức độ 2.

Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia.

Các kết luận khác (nếu có): *không*.

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá của trường THCS Phước Vĩnh Đông tính đến thời điểm hết năm học 2023-2024./.

Phước Vĩnh Đông, ngày 24 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Ngọc Hiếu

Phần IV
PHỤ LỤC

Danh mục mã minh chứng